

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi tiêu chí số 7 tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 UBND huyện Tuy Phước về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc Phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2023, trên địa bàn huyện;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Hưng tại Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 10/11/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phước Hưng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Hưng, UBND huyện Tuy Phước báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Phước Hưng, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 15/11/2023 đến 28/12/2023)

1. Về hồ sơ

Hồ sơ của xã Phước Hưng bao gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phước Hưng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã;
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Hình ảnh về kết quả xây dựng nông thôn mới.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Thực hiện Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 và Quyết định số 3928/QĐ-UBND của UBND huyện Tuy Phước, UBND xã Phước Hưng đã xây dựng Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí về nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã trong năm 2023 và đã được sự đồng tình hưởng ứng cao của nhân dân, tạo thành khí thế hưởng ứng thi đua của các thôn trên địa bàn nhằm phát động sâu rộng đến các ngành, các cấp, toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới.

3. Xã Phước Hưng: đã được UBND tỉnh Bình Định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2015 tại Quyết định số Quyết định số 2716/QĐ-UBND ngày 04/8/2015.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí về xã nông thôn mới trong năm 2023 đối với xã Phước Hưng

Căn cứ kết quả rà soát, thẩm tra của các ngành của huyện: trong năm 2023 xã Phước Hưng đã đạt 19/19 tiêu chí về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 .

(Cụ thể kết quả đánh giá 19 tiêu chí về xã nông thôn mới có phụ lục kèm theo)

5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2023 đối với xã Phước Hưng

5.1. Tiêu chí 1 - Quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Chỉ tiêu 1.1:** - Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước đến năm 2035 đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 12606/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 còn thời hạn. **Đánh giá Chỉ tiêu 1.1 Đạt**

- **Chỉ tiêu 1.2:** Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch

Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. **Đánh giá Chỉ tiêu 1.2 Đạt**

- **Chỉ tiêu 1.3:** Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên

Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Quy hoạch Trung tâm xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định 6238/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 và phê duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. **Đánh giá Chỉ tiêu 1.3 Đạt**

c. Đánh giá Tiêu chí 1 - Quy hoạch: Đạt theo yêu cầu.

5.2. Tiêu chí 2 - Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh, ..) theo quy định	100% và đường đạt tối thiểu đường cấp VI theo TCVN 4054:2005 (trong đó, mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa)	
			Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn	Có các mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh, ..) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 70\%$
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 90\%$ (trong đó, mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa) và đạt đường loại B hoặc C	

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Chỉ tiêu 2.1:** Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh, ..) theo quy định

Đường xã: 01 tuyến đường xã, với tổng chiều dài 6,41km

+ (6,41/6,41)km đường xã (tỷ lệ 100%) đạt tiêu chuẩn đường cấp IV theo TCVN 4054:2005, với quy mô mặt cắt ngang: B_{nền}=10m; B_{mặt}=8m (6,41km đường bê tông nhựa); có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh... theo quy định; đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và cơ bản được bảo trì hàng năm.

+ Đánh giá: Đảm bảo 100% tỷ lệ đường xã tối thiểu đạt đường cấp VI theo TCVN 4054:2005; được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.

Đánh giá Chỉ tiêu 2.1 Đạt

- **Chỉ tiêu 2.2:** Đường thôn và đường liên thôn: tổng chiều dài 3,708km

+ (3,708/3,708)km đường được cứng hóa bằng BTXM, BTN và cơ bản được bảo trì hàng năm: đạt tỷ lệ 100%.

+ Đánh giá: Đảm bảo 100% tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm.

+ (3,708/3,708)km đường có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh... theo quy định và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp: đạt tỷ lệ 100%.

+ Đánh giá: Đảm bảo $\geq 70\%$ tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh... theo quy định và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp.

Đánh giá Chỉ tiêu 2.2 Đạt

- **Chỉ tiêu 2.3:** Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp

Đường ngõ, xóm: tổng chiều dài 49,904km

+ (46,325/49,904) km đường được cứng hóa bằng BTXM và BTN; đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: đạt tỷ lệ 92,83%.

+ Đánh giá: Đảm bảo $\geq 90\%$ tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

Đánh giá Chỉ tiêu 2.3 Đạt

- **Chỉ tiêu 2.4:** Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa

Đường trục chính nội đồng: tổng chiều dài 9,909km

+ (9,053/9,909) km (tỷ lệ 91,36%) đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa và đạt quy mô đường loại B, C; (0,856/9,909)km đường cấp phối (tỷ lệ 8,64%).

+ Đánh giá: Đảm bảo $\geq 90\%$ tỷ lệ đường trục chính nội đồng đạt quy mô đường loại B, C được cứng hóa bằng BTXM đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

Đánh giá Chỉ tiêu 2.4 Đạt

c. Đánh giá Tiêu chí 2 - Giao thông: Đạt theo yêu cầu.

5.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt

	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥5%
	3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
	3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
	3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: ≥90%.

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Phước Hưng là: **1.324,4 ha**, trong đó: diện tích được tưới và tiêu nước chủ động là **1.297,48 ha**, đạt **97,96%**.

Bảng xác định diện tích đất sản xuất NN của xã được tưới, tiêu chủ động:

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới, tiêu chủ động (ha)
1	Cây hàng năm		
-	Lúa đông xuân	662,2	648,74
-	Lúa hè thu	662,2	648,74
-	Vùng ruộng chân cao	26,92	
	Tổng cộng	1.324,4	1.297,48
	T_{tưới, tiêu} (%)	(1.297,48/1.324,4)*100= 97,96%.	

* *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 3.1.*

Chỉ tiêu 3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: Đạt.

* Xã Phước Hưng có 7 thôn và 20 xóm, mỗi xóm có ít nhất 01 nhân viên thủy nông cơ sở phụ trách nạo vét kênh mương, dẫn thủy nhập điền; HTX có phân công một cán bộ trong HĐQT phụ trách Tổ thủy lợi cơ sở, điều hành đội ngũ thủy nông cơ sở hoạt động hiệu quả và bền vững. HTX Nông nghiệp Phước Hưng đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi, như:

- HTX được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký thành lập HTX); tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

- HTX Nông nghiệp Phước Hưng có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận.

- Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định.

* Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt **97 điểm**, thông qua các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 1: Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: (30 điểm)

- Chỉ tiêu 2: Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi: (30 điểm)

- Chỉ tiêu 3: Quản lý tài chính: (20 điểm)

- Chỉ tiêu 4: Thực hiện đa dịch vụ: (7 điểm)

- Chỉ tiêu 5: Mức độ hài lòng của thành viên: (10 điểm)

Bảng điểm số các chỉ tiêu đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững của tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS): của HTX NN Phước Hưng, như sau:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Cách xác định điểm số
1	Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	30	30
1.1	Lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	10	<p>a) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nội đồng trong công trình thủy lợi do các tổ chức khai thác thủy lợi cấp huyện, cấp tỉnh quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước theo mùa, vụ hoặc theo năm; ký Hợp đồng với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: 3 điểm. - Có ký hợp đồng, nhưng không lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: 2 điểm. - Không ký hợp đồng: 0 điểm. <p>b) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nhỏ độc lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, thông báo lịch cấp, tưới, tiêu, thoát nước cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 3

			điểm. - Có lập hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, không thông báo lịch cấp, tưới, tiêu cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 2 điểm. - Không lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: 0 điểm.
1.2	Tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động (T)	20	$T \geq 90\%$: 20 điểm.
2	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	30	30
2.1	Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	5	- Có lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng năm: 5 điểm. - Không lập: 0 điểm.
2.2	Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	20	- Đạt 100% theo kế hoạch: 20 điểm.
2.3	Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình	5	- Có lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình; không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 5 điểm. - Để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 0 điểm.
3	Quản lý tài chính	20	20
3.1	Lập kế hoạch tài chính	5	- Có lập kế hoạch tài chính, trong đó có kế hoạch thu-chi hàng năm cho dịch vụ thủy lợi thông qua hội nghị thường niên: 5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.
3.2	Thực hiện kế hoạch tài chính đối với dịch vụ thủy lợi	10	Khả năng chủ động tài chính (TC) đối với dịch vụ thủy lợi được xác định như sau: - Nguồn thu của tổ chức TLCS bao gồm: Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác đầu tư. - Chi phí theo kế hoạch bao gồm chi trả tiền sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định, chi các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. TC ≥ 1 : 10 điểm.
3.3	Thực hiện quyết toán, công khai tài	5	- Có thực hiện: 5 điểm.

	chính theo quy định		
4	<i>Thực hiện đa dịch vụ</i>	10	7
4.1	Phát triển các sản phẩm dịch vụ khác	7	- Có thực hiện các sản phẩm dịch vụ khác như: Cấp nước nông thôn, điện... hoặc tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ: 7 điểm.
4.2	Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý công trình thủy lợi	3	- Có ứng dụng một trong các công nghệ trong xây dựng; biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng một số thiết bị thông minh để theo dõi, giám sát hoặc điều khiển vận hành công trình thủy lợi...: 0 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm.
5	<i>Mức độ hài lòng của thành viên</i>	10	<i>Có Phiếu đánh giá Mức độ hài lòng của Thành viên: 10 điểm</i>
	Tổng cộng	100	97

* *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 3.2*

Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: $\geq 5\%$

UBND xã Phước Hưng nằm phía bắc của huyện Tuy Phước, cây trồng chủ lực của xã là cây lúa với diện tích gieo trồng 2 vụ/ năm là 1.324,4 ha, trong đó: tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiết kiệm nước; với hình thức tưới ướt khô xen kẽ (nông lộ phơi) theo chương trình Dự án SNV với diện tích 83ha/648,74 ha, chiếm tỷ lệ 12,79% $\geq 5\%$ đạt theo yêu cầu.

* *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 3.3*

Chỉ tiêu 3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Đạt.

Xã Phước Hưng có tổng số kênh chính trên địa bàn xã quản lý 13,163km đã kiên cố hóa kênh mương bằng bê tông xi măng. Bên cạnh đó hệ thống thủy lợi nội đồng với chiều dài 106,355km. Hàng năm đều được HTX xây dựng kế hoạch, đầu tư kinh phí tổ chức phát dọn, nạo vét bảo trì đảm bảo tưới tiêu chủ động. Như vậy 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

* *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 3.4*

Chỉ tiêu 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt

Hàng năm UBND xã Phước Hưng phân công cán bộ phụ trách giao thông, thủy lợi thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi; Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã do HTX NN Phước Hưng quản lý. HTX NN đã thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND xã nên không có trường hợp vi phạm xả thải vào công trình thủy lợi. Trên địa bàn xã không có cơ sở SXKD xả thải ra môi trường với công suất lớn nên nguồn nước xả thải được kiểm kê, kiểm soát đảm bảo.

Thống kê nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi đối với xã nông thôn mới nâng cao

TT	Tên kênh mương - Công trình	Tên tổ chức/cá nhân xã nước thải	Địa chỉ tổ chức/cá nhân xã thải	Vị trí xả thải		Loại nước thải	Lưu lượng xả	Chế độ xả	Biện pháp xử lý	Giấy phép (có ghi C, không ghi K)
				Địa giới hành chính	Vị trí trên kênh					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Kênh S:(K3+805)-(K5+260) Đập tháp mào	Không								
2	Kênh TAX3:(K2+319) – (K4+841)- Đập tháp mào	Không								
3	Kênh S1:(K3+800) –(K7+300) - Đập tháp mào	Không								
4	Kênh Nam gò đậu: (K0+00)- (K4+550) - Đập gò đậu	Không								
5	Kênh Bắc gò đậu: (K0+752)- (K3+302) - Đập gò đậu	Không								
6	Kênh vân triều: (K0+752)- (K3+302) – Kiềm Trai	Không								

**Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 3.5*

Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

*** Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:**

- **Về tổ chức bộ máy:** Hàng năm xã có thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn & Phòng thủ dân sự cấp xã và đã được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định, cụ thể trong năm 2023 đã được kiện toàn tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 16/6/2023; đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trong đó có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT-TKCN & PTDS cấp xã.

- **Về nguồn nhân lực:**

+ Hàng năm xã đều cử 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

+ Hàng năm xã đã thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 16/6/2023.

+ Hàng năm xã đã cử Đội xung kích tham dự tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ do Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức.

+ Hàng năm xã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền cho người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.

*** Về hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh:**

- **Về Kế hoạch phòng, chống thiên tai:** UBND xã đã ký ban hành Quyết định số 37/KH-UBND ngày 01/11/2021 về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã và được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định; đồng thời xã đã rà soát, xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.

- **Về Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:** UBND xã ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc Ban hành Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2023, trong đó: Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

- **Về thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt:**

+ Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã không có tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 33,2% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

*** Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

- Về Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng:

+ Xã đã triển khai thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; di dời dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều.

+ Trên địa bàn xã 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

- Về Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai:

+ Trên địa bàn xã có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

+ Trên địa bàn xã 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt

hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

(Cụ thể có biểu đánh giá, chấm điểm chi tiết gửi kèm theo).

Biểu đánh giá, chấm điểm (về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ): của Xã Phước Hưng.

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu	Thang tính điểm	
				Có	Điểm đánh giá
Tổng điểm				100	95
I	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực			35	35
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã được thành lập (có Quyết định).	Có	3	3
		b) Được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định (có Quyết định)		2	2
		c) Có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã (có Quyết định).	Có	2	2
		d) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương (có Quyết định phân công).		3	3
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% số cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	7
		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định (Quyết định, kế hoạch hoạt động).	Có	4	4
		c) Đội xung kích được tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	4
		d) Có từ 70% trở lên số người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.		7	7
II	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh			40	40
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	a) Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt.	Có	5	5
		b) Được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định.		3	3
		c) Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.	Có	5	5
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.	Có	6	6

3	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		b) Có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		c) Có 70% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
III Về cơ sở hạ tầng thiết yếu			25	20	
1	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; di dời dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều (nếu có)		3	3
		b) 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.		3	3
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.		7	7
		b) 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.	Có	7	7
3	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.		5	0

* Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 3.6

c. Đánh giá tiêu chí: Xã (Đạt) Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai .

5.4. Tiêu chí 4 - Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: >99%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- Trên địa bàn xã tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%.

c. Đánh giá Tiêu chí 4 - Điện: Đạt theo yêu cầu.

5.5. Tiêu chí 5 - Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%)
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Chỉ tiêu 5.1:** Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: Địa bàn xã Phước Hưng có 04 đơn vị trường là Trường Mầm non Phước Hưng, Trường Tiểu học số 1 Phước Hưng, Trường Tiểu học số 2 Phước Hưng và Trường THCS Phước Hưng; trong đó Trường MN Phước Hưng, Trường TH số 2 Phước Hưng đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1; Trường TH số 2 Phước Hưng, Trường THCS Phước Hưng đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2. Đánh giá **Đạt tỷ lệ 100%**.

- **Chỉ tiêu 5.2:** Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: **đạt chuẩn** (đang chờ quyết định công nhận).

- **Chỉ tiêu 5.3:** Công tác duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: đạt **Mức độ 3** (đang chờ quyết định công nhận).

- **Chỉ tiêu 5.4:** Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: đạt **Mức độ 2** (đang chờ quyết định công nhận).

- **Chỉ tiêu 5.5:** Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: đạt loại **Tốt** (theo Quyết định số 11198/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND huyện Tuy Phước).

- **Chỉ tiêu 5.6:** Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Trường MN Phước Hưng có mô hình tổ chức khu vận động cho trẻ, Trường TH số 1 Phước Hưng có mô hình "Câu lạc bộ bóng rổ", Trường TH số 2 Phước Hưng có mô hình "Câu lạc bộ võ thuật", Trường THCS Phước Hưng có mô hình "Bóng chuyền trong trường học" và các hoạt động rèn luyện thể chất lồng ghép trong các tiết dạy của nhà trường.

c. Đánh giá Tiêu chí 5 - Giáo dục: Đạt theo yêu cầu.

5.6. Tiêu chí 6 - Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Chỉ tiêu 6.1:** Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên:

* Trung tâm Văn hoá thể thao xã - Nhà Văn hoá khu thể thao thôn

- Trung tâm văn hoá thể thao xã:

+ Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng trung tâm văn hoá xã và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá - thể thao, sân tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh, đặc biệt là quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao bằng nhiều nguồn vốn đã xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao xã, nhà văn hoá- khu thể thao thôn, đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện TDTT:

+ Trong những năm qua UBND xã đã đầu tư: Sửa chữa Trung tâm Văn hoá - thể thao xã, sân vận động; xây mới 2 nhà văn hoá - khu thể thao thôn Quảng Nghiệp,

Háo Lễ; sửa chữa 3 nhà văn hoá- khu thể thể thao thôn Tân Hội, Lương Lộc, Nho Lâm; Đầu tư âm thanh nhà Văn hoá xã; âm thanh, bàn ghế, bảng biểu các nhà văn hoá- khu thể thể thao thôn; lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 6 điểm công cộng; đầu tư wifi nhà Văn hoá xã, Trung tâm học tập cộng đồng, Hội trường UBND xã, các nhà văn hoá thôn; san nền làm hệ thống thoát nước khu vui chơi giải trí thôn Háo Lễ, sân thể thao trường Tiểu học số 2 Phước Hưng; nhà đa năng, khu vui chơi trường Tiểu học số 1 Phước Hưng; làm mới, sửa chữa Pa nô phục vụ cho công tác tuyên truyền; kiến thiết thị chính Công viên văn hoá khu đông xã;

+ Xã có Trung tâm VH TT xã được đầu tư xây dựng riêng biệt bên ngoài khu hành chính, đảm bảo mọi người dân thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Trung tâm VH TT xã có diện tích 12.070 m², trong đó Hội trường Văn hoá đa năng, khu thể thao thể thao đơn giản diện tích 4.102m², diện tích xây dựng Hội trường và các phòng chức năng 770 m², Hội trường chính 210m², sức chứa 250 chỗ ngồi, bố trí 5 phòng: Phòng hành chính 26m², đọc sách báo, thư viện 26m², thông tin truyền thanh 26m², Câu lạc bộ 26m², phòng tập các môn thể thao đơn giản (53m²), khu thể thao đơn giản và khuôn viên 3.332m² được bố trí đầy đủ các dụng cụ môn thể thao đơn giản như: Cầu lông, bóng chuyền, cờ vua, cờ tướng...; Sân vận động xã có diện tích 7.968m² (Trong đó có 1 sân bóng đá với kích thước 75mX 100m), có khán đài, các đường chạy điền kinh và công trình phụ trợ khác đúng theo Thông tư 12/2010/BVHTT-DL.

+ Hiện nay trên địa bàn xã còn có 2 sân bóng đá Mini tại Nhà văn hoá- khu thể thao thôn Quảng Nghiệp và Trường Tiểu học số 2 Phước Hưng, 7/7 thôn có sân bóng chuyền, 1 hồ bơi tại Trung tâm Văn hoá- thể thao xã. Xã cũng đã quy hoạch sân vận động cho 4 thôn khu đông Tân Hội, Lương Lộc, Háo Lễ, Nho Lâm với diện tích 8.000m² tại thôn Háo Lễ; quy hoạch 500m² khu thể thao thôn Lương Lộc; Nhà văn hoá và thư viện 4.395m² (diện tích cũ 2.747m²).

- Về cơ cấu, tổ chức, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, nội dung phương thức hoạt động:

+ Thành lập Ban chủ nhiệm Trung tâm Văn hoá- thể thao xã gồm 13 người, Chủ nhiệm là Cán bộ công chức Văn hoá xã hội xã, thành viên là các ngành và các Hội đoàn thể xã; UBND xã đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hoá- thể thao xã;

+ Trang thiết bị nhà Văn hoá xã: Nhà văn hoá xã được bố trí bàn ghế, Hội trường, phòng màn, thiết bị âm thanh, ánh sáng, ảnh Bác Hồ, cờ Đảng, cờ Tổ Quốc, wifi không bảo mật, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động.

+ Nội dung Phương thức hoạt động: Phân công nhiệm vụ từng thành viên của Trung tâm Văn hoá -Thể thao. Xây dựng Kế hoạch tổ chức hoạt động từng năm; phối hợp với Mặt trận và các Hội đoàn thể tổ chức tốt các hoạt động.

+ Xã có Trung tâm học tập cộng đồng gắn với Trung tâm văn hoá thể thao xã được bổ sung, lồng ghép trở thành thiết chế nhà văn hoá. Hàng năm Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã phối hợp với các Hội đoàn thể, các ngành, cơ quan cấp trên tổ chức tuyên truyền, tập huấn, mở các lớp bồi dưỡng, hướng nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong năm 2023 được UBND huyện đánh giá trung tâm học tập cộng đồng đạt loại tốt.

Các nhà văn hoá- khu thể thao các thôn: Các nhà văn hoá đảm bảo diện tích 300m² trở lên, các nhà văn hoá thôn đảm bảo 100 chỗ ngồi; đầu tư xây dựng tường rào, cổng ngõ và các công trình phụ trợ đúng theo quy định, trang bị đầy đủ các thiết bị và vật dụng cần thiết đảm bảo phục vụ hội họp và nhân dân sinh hoạt cộng đồng: Bàn ghế, phong màn, cờ (Cờ Đảng, Cờ Tổ Quốc) tượng Bác Hồ, micro, loa, tivi, internet, thiết bị điện thấp sáng, theo đúng Thông tư 06/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch. Các thôn đều có sân bóng chuyền, tập luyện các môn thể thao đơn giản. Nhìn chung, các nhà Văn hóa- khu thể thao thôn hiện nay đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của Nhân dân, là nơi để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, tổ chức học tập cộng đồng, một số nơi còn để tổ chức các đám cưới theo nếp sống mới cho Nhân dân trong thôn.

Diện tích nhà Văn hoá- khu thể thao các thôn:

- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Biểu Chánh có tổng diện tích 3.202,4m² (diện tích khu Nhà Văn hoá 1.160,5 m², diện tích khu thể thao 2.041,9m²)
- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Quảng Nghiệp có tổng diện tích: 2.929,1 m²
- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn An Cửu có diện tích: 835,5 m²
- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Tân Hội có diện tích: 1.051,1 m²
- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Lương Lộc có tổng diện tích 828,8 m² (diện tích khu Nhà Văn hoá có diện tích: 328,8 m², diện tích khu thể thao 500m²)
- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Háo Lễ có diện tích: 8.663,3 m² (diện tích khu Nhà Văn hoá có diện tích: 335 m², diện tích khu thể thao 8.298,3m²)
- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Nho Lâm có diện tích: 1.389,6 m².

Các nhà văn hoá thôn có thành lập Ban chủ nhiệm do đồng chí thôn Trưởng làm Chủ nhiệm, các thành viên là các chi hội đoàn thể ở thôn; Hàng năm Ban chủ nhiệm các nhà Văn hoá- Khu thể thao thôn đều xây dựng Kế hoạch đồng thời tổ chức thực hiện đạt hiệu quả. Đúng theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 16/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định và Thông tư 06/2011/ TT-BVHTTDL.

** Về lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng: đã đầu tư 9 bộ thể dục thể thao ngoài trời lắp đặt cho 6/8 điểm công cộng đạt 75%.*

** Về hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên liên tục:*

- UBND xã phối hợp Mặt trận và các Hội đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao như:

Tổ chức các hoạt động mừng Đảng mừng Xuân và giải bóng đá nam Mừng Đảng Mừng xuân; thành lập 7 CLB Văn hoá văn nghệ 7 thôn; Phối hợp CDCS xã thành lập 1 CLB thể dục thể thao, duy trì hoạt động Câu lạc bộ cờ tướng và tuyên truyền pháp luật Người cao tuổi; Tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khoẻ toàn dân, ngày thể thao Việt Nam (27/3/1947- 27/3/2023); Phối hợp Hội Người cao tuổi xã tổ chức Giải cờ tướng nhân 48 năm ngày giải phóng Miền nam thống nhất đất nước

(30/4/1975-30/4/2023); Phối hợp Hội LHPN xã tổ chức giao lưu hát cho nhau nghe “Karaoke” nhân ngày 8/3 tại các CLB văn hoá, văn nghệ các thôn; Mở 3 lớp năng khiếu hè cho các em học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở (1 lớp võ, 2 lớp bơi); Phối hợp Đoàn thanh niên xã tổ chức Tiếng hát thanh thiếu niên và Hội trại hè nhân dịp hè năm 2023; Tổ chức ngày gia đình Việt Nam 28/6/2023; Tổ chức giải bóng chuyền nam nhân kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947- 27/7/2023); Tổ chức Liên hoan các Câu lạc bộ Văn hoá văn nghệ lần thứ nhất năm 2023 nhân kỷ niệm 78 năm Quốc khánh nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2/9/1945- 2/9/2023); Tổ chức Vui hội trăng rằm cho các em học sinh ở các trường; Phối hợp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức ngày Hội đại đoàn kết dân tộc 18/11/1930- 18/11/2023; Phối hợp Hội LHPN xã tổ chức các hoạt động dân vũ nhân ngày 8/3, 20/10.... Ngoài ra còn tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn trong năm 2023.

Đối với các nhà Văn hoá- khu thể thao thôn, hàng năm Ban chủ nhiệm các nhà Văn hoá- Khu thể thao thôn đều xây dựng Kế hoạch đồng thời tổ chức thực hiện đạt hiệu quả như tổ chức hội họp, tuyên truyền các chủ trương của Đảng chính sách, pháp luật nhà nước, đặc biệt trong năm 2023 tập trung tuyên truyền các chủ trương thực hiện các tiêu chí về xây dựng NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn xã; tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các trò chơi dân gian nhân dịp tết nguyên đán, các ngày lễ lớn trong năm, các thôn tham gia tốt các hoạt động do UBND xã tổ chức.

- Thư viện xã: Có bố trí nhân sự phụ trách hoạt động tại thư viện; có Kế hoạch bổ sung đầu sách hàng năm; trang bị cơ sở vật chất phù hợp phục vụ bạn đọc (phòng đọc sách, bàn, ghế, 3 bộ máy vi tính kết nối Internet, giá sách). Có 3.124 lượt người dân, học sinh đến tìm hiểu thông tin, tham khảo tài liệu.

- Chỉ tiêu 6.2: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định

Xã có 01 di tích lịch sử cấp Quốc gia “Nơi diễn ra vụ thảm sát Nho Lâm” năm 1966 được Bộ VH-TT-DL công nhận tại Quyết định số 2009/QĐ ngày 15/11/1991. Hàng năm UBND xã đều có Kế hoạch tu bổ, chăm sóc và phát huy đúng giá trị. Thường xuyên quảng bá trên fambay du lịch và trang thông tin điện tử của xã.

- Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

Đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 12/9/2022 về triển khai Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021 – 2026 trên địa bàn xã. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện.

- Phong trào xây dựng thôn văn hóa

Trong những năm qua, phong trào xây dựng thôn văn hoá phát triển cả về số lượng và chất lượng, trở thành phong trào sôi nổi và rộng khắp. Việc bình xét thôn văn hoá hàng năm được tiến hành đúng quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn; hồ sơ xét tặng danh hiệu gia đình văn hoá, thôn văn hoá thực hiện theo Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ và Quyết định 25/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Bình Định.

Toàn xã có 7/7 thôn được duy trì danh hiệu thôn văn hoá đạt 100%. Phong trào xây dựng thôn văn hoá đã được sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, do đó phong trào phát triển nhanh, sâu rộng, khơi dậy niềm tin và sự thi đua sáng tạo trong từng cộng đồng dân cư ở thôn. Vì vậy đã phát huy tốt vai trò tự quản, ý thức chủ động, tích cực của cộng đồng, đặc biệt là ý thức tự giác, tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, công tác trợ giúp các gia đình khó khăn, công tác giảm nghèo giải quyết việc làm đã được quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ thường xuyên. Việc thực hiện Quy ước- hương ước thôn văn hóa đã phát huy được hiệu quả, nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp, các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ, bảo tồn, phát huy, quan hệ gia đình, hàng xóm ngày càng được gắn bó, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương được giữ vững. Có thể nói, phong trào xây dựng thôn, bản, khu phố văn hóa đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn xã.

Tổ chức bình xét và đề nghị UBND huyện tặng giấy khen thôn văn hóa 5 năm liên tục: năm 2022 đề nghị tặng giấy khen thôn Tân Hội và năm 2023 đề nghị tặng giấy khen thôn Quảng Nghiệp.

- Phong trào xây dựng ‘Gia đình văn hóa’

Hàng năm BCD xã đã hướng dẫn các Ban vận động các thôn tổ chức đăng ký, họp xét và đề nghị công nhận danh hiệu gia đình văn hoá. UBND xã tổ chức khen thưởng cho các gia đình văn hoá tiêu biểu trong toàn xã, kịp thời động viên và nhân rộng mô hình GDVH tiêu biểu, góp phần nâng cao chất lượng phong trào. Công tác xây dựng gia đình văn hoá phát triển mạnh gắn liền với phong trào xây dựng thôn văn hoá đã được nhân dân hưởng ứng và đạt kết quả năm sau cao hơn năm trước.

Kết quả tỉ lệ hộ đạt gia đình văn hóa:

*** Năm 2022:**

- Có 3.425/3606 hộ đạt gia đình văn hoá, tỉ lệ 95%
- Có 3.175/3425 hộ đạt gia đình văn hoá 3 năm liên- tỉ lệ 92,7% (chỉ tiêu tiêu chí 85%)
- Có 508/3.175 hộ được UBND xã tặng giấy khen- tỉ lệ 16,19% (Chỉ tiêu tiêu chí 15%).

*** Năm 2023:**

- Có 3.548/3687 hộ đạt gia đình văn hoá, tỉ lệ 96,2%
- Có 3.312/3548 hộ đạt gia đình văn hoá 3 năm liên- tỉ lệ 93,6%(chỉ tiêu tiêu chí 85%).
- Có 500/3.312 hộ được UBND xã tặng giấy khen- tỉ lệ 15,1%.(Chỉ tiêu tiêu chí 15%).

- Về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá” “Thôn văn hoá” thực hiện theo Nghị Định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ và Quyết định 25/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Bình Định.

- Kinh phí địa phương đã thực hiện: 33.384 triệu đồng.

c. Đánh giá Tiêu chí 6 - Văn hóa: Đạt theo yêu cầu.

5.7. Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí: Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chợ Háo Lễ nằm trong Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 và đạt chuẩn theo quy định tại **Phụ lục 1**; đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm được quy định tại **Phụ lục 3**.

c. Đánh giá: Tiêu chí 7: Đạt theo yêu cầu.

5.8. Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	≥80%.
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:

Xã có 01 bưu điện với diện tích 61 m², trang thiết bị phù hợp với tình hình tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính. Hoạt động có hiệu quả với đầy đủ: biển tên điểm phục vụ, bảng niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại địa điểm phục vụ, có thùng thư công cộng và được lắp đặt ở vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận và đảm bảo an toàn cho người gửi. Bưu chính là

điểm giao dịch của các doanh nghiệp bưu chính chính để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa; cụ thể: dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02kg; dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg.

Điểm bưu điện văn hoá xã ngoài việc đáp ứng phục vụ là bưu chính, là điểm giao dịch; địa phương đã cùng các cơ quan liên quan đã tiến hành sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; tiếp tục trang bị đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị để đảm bảo phục vụ bưu chính đáp ứng dịch vụ công trực tuyến cho người dân như: trang bị 02 máy tính với cấu hình cao (intel core i5) để truy cập internet, đường truyền kết nối internet tốc độ cao (111,4Mbps) để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 như: cấp đổi giấy phép lái xe (xe máy – mô tô) và các thủ tục khác; bổ sung bàn ghế, tủ,..để phục vụ và là điểm cung cấp xuất bản phẩm cho nhân dân địa bàn.

Đánh giá chỉ tiêu 8.1 Đạt

- **Chỉ tiêu 8.2:** *Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (cụ thể: Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:*

Xã đã xây dựng Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND xã Phước Hưng về việc tổ chức điều tra, rà soát người sử dụng điện thoại thông minh, hộ gia đình sử dụng thông tin nghe nhìn và cài đặt ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, số sức khoẻ điện tử, dịch vụ công để thực hiện các nội dung tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2023. Qua điều tra, rà soát tỷ lệ người dân theo độ tuổi lao động trên địa bàn xã sử dụng điện thoại thông minh có 6.802/8.219 đạt 82,76%.

Đánh giá chỉ tiêu 8.2 Đạt

- **Chỉ tiêu 8.3:** *Có dịch vụ báo chí truyền thông:*

Đài truyền thanh xã sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông, đầu tư và lắp đặt 15 cum với 30 loa cho 7/7 thôn trên địa bàn xã. Hệ thống Đài truyền thanh xã hoạt động tốt, việc phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương qua hệ thống loa đảm bảo thường xuyên, liên tục.

Có 3.711/ 3.786 hộ gia đình trên địa bàn xã có thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet đạt 98%.

Có 03 điểm cung cấp xuất bản phẩm: Photo copy Minh Ngọc, Photo copy Thanh Vy, Photo copy Như Ý đang cung cấp các dịch vụ báo, tạp chí, sách vở.... cho người dân.

Đánh giá chỉ tiêu 8.3 Đạt

- **Chỉ tiêu 8.4:** *Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới:*

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt: 65% (915 hồ sơ giải quyết trực tuyến/1406 tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của xã).

Phối hợp với Sở thông tin tuyên thông tỉnh đã tổ chức tập huấn, triển khai phổ biến, hướng dẫn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin cho 21/21 cán bộ công chức xã Phước Hưng, đạt tỷ lệ 100%.

UBND xã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 26/6/2023 của UBND xã Phước Hưng về việc tổ chức triển khai phổ biến, hướng dẫn kiến thức sử dụng máy tính, kỹ năng số cho người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Phước Hưng, Phối hợp với Đoàn thanh niên xã, Tổ công nghệ số cộng đồng, Đài truyền thanh xã tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong độ tuổi lao động nắm bắt về kiến thức sử dụng máy tính, kỹ năng số cơ bản như truyền hướng dẫn tại các Nhà văn hoá thôn, tại Hội trường Trung tâm văn hoá - thể thao xã, các điểm công cộng đồng người có 5.858/8.219 đạt tỷ lệ 71,27%.

Hiện nay xã có 1 sản phẩm OCOP Gạo quê Phước Hưng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 27/10/2021; địa phương đã phối hợp với Bưu điện huyện Tuy Phước giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử Postmart.vn.

UBND xã phối hợp với UBMTTQVN xã tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM nâng cao: có 3.210/3.786 hộ được lấy ý kiến đạt tỉ lệ 84,7%. Kết quả các tiêu chí được người dân hài lòng 100% bao gồm: Tiêu chí 1, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 19; các tiêu chí còn lại tỉ lệ người dân hài lòng 99,9%.

Đánh giá chỉ tiêu 8.4 Đạt

- ***Chỉ tiêu 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng, ...):***

- Tại UBND xã, Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm văn hoá thể thao xã và Nhà văn hoá- khu thể thao 7/7 thôn trên địa bàn xã đã được lắp đặt mạng Wifi miễn phí.

- Kinh phí đã thực hiện: 200 triệu đồng.

Đánh giá chỉ tiêu 8.5 Đạt

c. Đánh giá: Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông: Đạt theo yêu cầu.

5.9. Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư:

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (chỉ tiêu $\geq 85\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn xã đạt 100%, có 3.505 nhà/3.505 nhà.

c. Đánh giá: Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư: Đạt theo yêu cầu.

5.10. Tiêu chí 10 – Thu nhập:

a) Yêu cầu của tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người năm 2023: ≥ 56 (triệu đồng/người)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Năm 2023

Tổng thu nhập của xã đạt: 688.942,676 triệu đồng.

Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã: 11.503 người.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023: 59,89 triệu đồng/người/năm.

c. Đánh giá: Tiêu chí 10 – Thu nhập: Đạt theo yêu cầu.

5.11. Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo công bố của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. ($< 3\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới mức chỉ tiêu theo vùng, cụ thể là dưới 3%.

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 (đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 8574/QĐ-UBND ngày 09/12/2022), kết quả tỷ lệ nghèo đa chiều của xã Phước Hưng là 2,69%. Đồng thời Trên cơ sở kết quả cuộc họp ngày 28/11/2023 của Ban chỉ đạo xét duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, kết quả tỷ lệ nghèo đa chiều của xã Phước Hưng là 2,07%

c. Đánh giá: Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều: Đạt theo yêu cầu.

5.12. Tiêu chí 12 – Lao động:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$.
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn $\geq 19\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Qua kết quả điều tra, khảo sát số lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của xã Phước Hưng:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 81%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 31 %.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn 23,73%.

c. Đánh giá: Tiêu chí 12 – Lao động: Đạt theo yêu cầu.

5.13. Tiêu chí 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 1
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Khuyến khích
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Khuyến khích
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định**

Xã Phước Hưng có 01 Hợp tác xã nông nghiệp Phước Hưng thành lập năm 1977 có tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành – HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012. HTX có 6 loại hình dịch vụ hoạt động có hiệu quả như: dịch vụ phân bón, thủy lợi, điện nông thôn, xăng dầu, tín dụng nội bộ, sản xuất lúa giống. Tổng doanh thu năm 2022 là 42.748 triệu đồng. Lợi nhuận hơn 411 triệu đồng. HTX được đánh giá, xếp loại đạt loại tốt (theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã).

- Có quy mô thành viên đủ lớn: HTX đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012: Không quy định số lượng thành viên.

- Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 3 năm liền trước năm xét công nhận HTX có liên kết sản xuất cánh đồng lớn – liên kết tiêu thụ sản phẩm với tập đoàn Thái Bình Seed – Chi nhánh Miền Trung Tây Nguyên. *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 13.1*

*** Chỉ tiêu 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn**

Xã có sản phẩm OCOP “Gạo Quê Phước Hưng”, được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Bình Định. *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 13.2*

*** Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm.**

Có mô hình nông nghiệp áp dụng công nghệ phun thuốc bảo vệ thực vật bằng công nghệ DRON máy bay không người lái trên đồng ruộng của HTX NN Phước Hưng vụ ĐX 2022-2023 với quy mô diện tích 149ha/630hộ, cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. Hợp tác xã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất, áp dụng phương thức "ba giảm, ba tăng", "một phải, năm giảm" với phương thức thâm canh lúa cải tiến SRI. Trong sản xuất làm đất, thu hoạch đều áp dụng cơ giới hóa 100%. HTX có một nhà máy sấy lúa với công suất 35 tấn/mẻ sấy. *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 13.3*

*** Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, (Khuyến khích).**

Có ứng dụng chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc QR cho sản phẩm “Gạo quê Phước Hưng”. *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 13.4*

*** Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.**

HTX đã xây dựng website và tiến hành quảng bá, bán lúa gạo qua website “web:https://htxnongnghiepphuochung.com”. *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 13.5*

*** Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. (Khuyến khích).**

UBND xã giao cho HTXNN Phước Hưng 4ha đất trồng lúa để làm vùng nguyên liệu xây dựng sản phẩm “ Gạo quê Phước Hưng” và sản phẩm được cấp mã QR Code. *Đánh giá: Đạt chỉ tiêu 13.6.*

*** Chỉ tiêu 13.7: Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.**

-Xã xây dựng trang thông tin điện tử (phuochungtuyphuoc.binhdinhh.gov.vn) và fanpage du lịch xã Phước Hưng.

- Thường xuyên quảng bá hình ảnh về du lịch xã trên trang thông tin điện tử và fanpage du lịch của xã. *Đạt chỉ tiêu 13.7.*

*** Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).**

- Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4948/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án Cánh đồng lớn sản xuất lúa tại xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; với quy mô 100ha/425 hộ tham gia.

Tất cả hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất lúa giống đều được cung ứng giống, hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Sản phẩm sau khi thu hoạch đạt tiêu chuẩn sẽ được các Công ty thu mua với giá cao hơn giá thóc thối tại thời điểm từ 1.500 - 1.700 đồng/kg. năng suất bình quân đạt 80 tạ/ha.

Quá trình hình thành các cánh đồng lớn, cánh đồng mẫu đã tạo nhận thức cho nông dân về tầm quan trọng phải áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất, áp dụng phương thức "ba giảm, ba tăng", "một phải, năm giảm" để đạt hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt, với phương thức thâm canh lúa cải tiến SRI sản xuất mang tính bền vững thể hiện tính vượt trội về năng suất, giảm chi phí, giảm khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính, tăng giá trị sản phẩm, tăng thu nhập hộ thành viên, đã góp phần nâng cao đời sống kinh tế, góp phần giảm hộ nghèo trên địa bàn xã. *Đạt chỉ tiêu 13.8.*

c. Đánh giá: Tiêu chí số 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt theo yêu cầu.

5.14. Tiêu chí 14 – Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn xã là 12.028/12.464 đạt tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế **96,5%**.

- Thực hiện hiệu quả công tác dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) toàn xã là 12.464/12.464 người đạt tỷ lệ 100%.

- Người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa: Hiện nay số người thông kê trên phần mềm là: 6.161/12.464 người đạt **49,43%**, (tỷ lệ người dân đến trạm khám và cài đặt 924/1553 đạt tỷ lệ 59,5% theo hệ thống khám bệnh từ ngày 01/01/2023 đến 25/10/2023). Hồ sơ khám quản lý được lưu trữ tại Trạm y tế xã và phần mềm Bác Sĩ cho mọi nhà của Viettel.

- Người dân có số khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn xã là 8.751/12.464 người đạt tỷ lệ **70,2%**

c. Đánh giá: Tiêu chí 14 – Y tế: Đạt theo yêu cầu.

5.15. Tiêu chí 15 – Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

Có bố trí máy scan tại Bộ phận Một cửa để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được bố trí máy vi tính để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được cấp chữ ký số cá nhân. Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt tối thiểu 5%/Tổng số hồ sơ chứng thực. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

Đánh giá chỉ tiêu 15.1 Đạt

- Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên

Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) và dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 50% trở lên trên tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt 100% (16/16 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến một phần và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt từ 50% trở lên trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến đạt 57,38% (1.200/2.091 hồ sơ). Tỷ lệ thanh toán trực tuyến các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ thanh toán

trực tuyến đạt từ 30% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán đạt 93,94% (1.597/1.700 hồ sơ).

Đánh giá chỉ tiêu 15.2 Đạt

- Chỉ tiêu 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính: 155/155 thủ tục hành chính được công khai, **đạt 100%**.

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ: 155/155 thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, **đạt 100%**.

Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030: Năm 2023, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết: 2.080/2.080, **đạt 100%**.

Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo: giải quyết đúng hạn 4.052/4.069 hồ sơ, **đạt 99,58%**.

Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên: Năm 2022: 98,28 điểm; Năm 2023: 97,02 điểm (**loại xuất sắc**).

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ: 18/18 điểm, **đạt 100%**.

Đánh giá chỉ tiêu 15.3 Đạt

c. Đánh giá: Tiêu chí 15 – Hành chính công: Đạt theo yêu cầu.

5.16. Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- ***Chỉ tiêu 16.1:*** Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận:

Về mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả: UBND xã đã xây dựng, có mô hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả tại địa phương: *Mô hình PBGDPL “Nông dân với pháp luật”* và được UBND huyện tặng giấy khen mô hình tại Quyết định số 11726/QĐ-UBND ngày 28/11/2023. Căn cứ kết quả chấm điểm xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện, Tiêu chí 3 “Phổ biến, giáo dục pháp luật” theo Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP của bộ Tư pháp đạt số điểm tối đa 25/25 điểm. UBND xã có bố trí nhân lực, kinh phí, các điều kiện khác bảo đảm cho hoạt động của mô hình lồng ghép với kinh phí chung cấp cho công tác PBGDPL cho năm 2022 hơn 4,8 triệu đồng và năm 2023 hơn 20 triệu đồng (chưa bao gồm kinh phí tuyên truyền lồng ghép của các hội đoàn thể, kinh phí hoà giải). Có văn bản khuyến khích nhân rộng của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện năm 2022.

Về mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả: - UBND xã đã xây dựng được 1 mô hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả tại địa phương: *Mô hình hoà giải ở cơ sở “03 tốt, 03 sẵn sàng”* và được UBND huyện tặng giấy khen mô hình tại Quyết định số 11726/QĐ-UBND ngày 28/11/2023. 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND tỉnh Bình Định. UBND xã có xây dựng chương trình phối hợp với Tòa án nhân dân huyện, Hội Luật gia huyện, lực lượng an ninh, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật tham gia tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ khác cho công tác hòa giải cơ sở. Có văn bản khuyến khích nhân rộng của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện năm 2022.

Đánh giá chỉ tiêu 16.1 Đạt

- **Chỉ tiêu 16.2:** Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành

Năm 2022 (Tính từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022): Không tiếp nhận vụ việc hoà giải nào. Năm 2023 (Từ ngày 01/01/2023 đến hết tháng 11/2023): Tiếp nhận 02 vụ; Hòa giải thành 2/2 vụ, tỷ lệ 100%.

Đánh giá chỉ tiêu 16.2 Đạt

- **Chỉ tiêu 16.3:** Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu

UBND xã đã phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh trong công tác trợ giúp pháp lý cho các đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu. Kết quả, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý đạt tỷ lệ hơn 100%.

Đánh giá chỉ tiêu 16.3 Đạt

c. Đánh giá: Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật: Đạt theo yêu cầu.

5.17. Tiêu chí 17 – Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥85%
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu	≥40%

	gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	
	17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%
	17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$.
	17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$.
	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy định	Đạt
	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$
	17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Chỉ tiêu 17.1:** Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

UBND xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, tuy nhiên trên địa bàn xã có 20 hộ giết mổ gia súc nhỏ lẻ xen kẽ trong khu dân cư. Hiện nay đã vận động 19 hộ giết mổ tham gia vào khu giết mổ tập trung tại xã Nhơn An, thị xã An Nhơn theo quy định, 01 hộ tham gia vào khu giết mổ tập trung ở TP Quy Nhơn: **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.2:** Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Xã không có hộ nuôi trồng thủy sản; không có làng nghề. Trên địa bàn xã hiện có 20 hộ sản xuất kinh doanh, trong đó có 12 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường và đã lập hồ sơ môi trường theo quy định; 08 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ

lễ, không thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường và có ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; xã làm bổ sung đăng ký môi trường theo quy định. **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.3:** Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.

Theo báo cáo xã, tổng số hộ trên địa bàn xã 3.786 hộ, trong đó hộ vắng mặt tại địa phương và 2, 3 hộ ở chung nhà là 532 hộ. Như vậy tổ số hộ thực tế trên địa bàn xã là 3.254 hộ và số hộ trên địa bàn xã tham gia thu gom rác thải và nộp phí vệ sinh môi trường là 2.840 hộ/3.254 hộ đạt tỷ lệ 87,27%. **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.4:** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

Theo báo cáo của UBND xã, nước thải sinh hoạt của hộ gia đình được thu gom qua hệ thống hầm rút là 3.505 hộ/3.786 hộ, đạt 92,58%. Số hộ còn lại có vườn rộng, thải ra vườn tự thấm, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường: **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.5:** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch phân loại rác tại nguồn số 94/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 và đầu tư mua 490 thùng đựng rác để thực hiện mô hình phân loại rác hữu cơ; quy mô số hộ tham gia mô hình: 1.662/3.254 hộ, đạt tỷ lệ 51,08%. **Đánh giá đạt**

- **Chỉ tiêu 17.6:** Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: **Đánh giá đạt.**

- Đối với rác thải y tế từ Trạm y tế xã, được Trung tâm y tế huyện thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải nguy hại trên địa bàn xã được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, cụ thể như sau:

+ Rác thải chứa thành phần nguy hại: UBND xã đã bố trí 14 thùng chứa ở 07 thôn, UBND xã, 04 trường học và hợp tác xã Phước Hưng để tập kết bóng đèn huỳnh quang, nhiệt kế hồng, pin.... Hàng tháng, sẽ thu về kho lưu chứa của xã và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom.

+ Các cơ sở hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn xã hợp đồng với đơn vị chuyên giao để thu gom.

+ Đối với vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng, UBND xã đã xây dựng kế hoạch số: 25/KH-UBND ngày 25/8/2023 và 02 kho lưu chứa tại vị trí thôn Quảng Nghiệp, thôn Tân Hội và 216 bể/648,74 ha được đặt tại đồng ruộng. Định kỳ, cuối mỗi vụ UBND xã thành lập tổ thu gom ở 07 thôn thu gom vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trong các bể chứa, vận chuyển về kho chứa tập trung chuyên giao cho đơn vị thu gom đã hợp đồng đầu năm;

- **Chỉ tiêu 17.7:** Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường ($\geq 80\%$).

Đối với rác thải nông nghiệp: Rơm rạ sau khi thu hoạch được thu gom bằng máy cuộn rơm và phục vụ cho các hoạt động sản xuất khác: Trồng nấm, thức ăn trong chăn nuôi, trồng rau, trồng mai..., đạt 100%. Đối với chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp

được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường. **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.8:** Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ($\geq 90\%$).

Trên địa bàn xã có 1.079 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó: 532 hộ chăn nuôi heo; 9 hộ chăn nuôi vịt, 62 hộ chăn nuôi gà; 476 hộ chăn nuôi trâu, bò. Có 346 hộ chăn nuôi sử dụng hệ thống hầm biogas (nước tiểu, nước thải sau khi vệ sinh được chứa trong hầm rút); Có 46 hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học. Ngoài ra hộ còn sử dụng đệm lót sinh học (chủ yếu ở gà) để giảm khí độc, giảm ô nhiễm môi trường. Các hộ còn tận dụng chất thải (đã ủ) trong trồng trọt hoặc để bán (chủ yếu phân bò, gà) cho các đơn vị thu mua tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng, tránh tình trạng đổ thải bừa bãi ra môi trường. Các hộ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; có bản kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuồng trại được thiết kế thông thoáng, có rèm che xung quanh để những ngày nắng nóng hoặc giảm lạnh vào mùa đông. Mái chuồng được lợp mái ngói hoặc tôn; mái hiên cách mặt đất 2m. Nền chuồng: Có độ dốc 1-2% để tránh đọng nước. Chuồng nuôi tách biệt với nơi ở của chủ hộ chăn nuôi và được vệ sinh thường xuyên, khử trùng tiêu độc theo định kỳ. **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.9:** Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy định

UBND xã Phước Hưng đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang áp dụng trên địa bàn xã theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023.

- **Chỉ tiêu 17.10:** Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:

UBND xã xây dựng Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 07/6/2023 Kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện hình thức hỏa táng trong tổ chức việc tang trên địa bàn xã Phước Hưng; bản cam kết của hộ dân. Tổng số người chết trên địa bàn xã 35 người, trong đó có 01 trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng. **Đánh giá đạt.**

- **Chỉ tiêu 17.11:** Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 4m^2/người$).

Thực hiện quy hoạch khu dân cư hàng năm đều được bố trí quỹ đất công cộng để sử dụng vào mục đích trồng cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường sinh thái trên địa bàn xã. UBND xã thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình Trồng mới cây xanh phân tán giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã tại KH số 37/KH-UBND ngày 8/11/2021, trong đó: Tuyến đường xã và tuyến đường thôn và liên thôn cây xanh dọc 02 bên đường với tổng chiều dài 10,118km; Khuôn viên cây xanh của các tổ chức, trường học; HTX NN Phước Hưng: 4.516m²; Trường THCS Phước Hưng: 9.272m²;+ Trường TH số 1 Phước Hưng: 5.770m²; Trường TH số 2 Phước Hưng: 7.824m²; Trường Mầm non Phước Hưng: 10. 573,4m²; Khuôn viên cây xanh nhà văn hoá xã và các nhà văn hoá thôn và khu thể thao: 15.106,2 m²; khuôn viên cây xanh của các

cơ sở thờ tự: 17.115m²; Tuyến đường ngõ xóm được người dân trồng các loại cây xanh dọc tuyến đường cũng như khuôn viên nhà ở đảm bảo đạt yêu cầu.

- **Chỉ tiêu 17.12.** Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:

Ngày 10/10/2023 UBND xã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND về việc xử lý chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã. Rác thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, xử lý theo quy định. UBND xã phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ xã đã xây dựng mô hình “Ngôi nhà xanh” hàng tháng các tổ chức thu gom rác thải nhựa trong dân; đối với bì nhựa vận động hộ dân rửa sạch và Hội Liên hiệp phụ nữ xã thu gom định kỳ, còn những bì nhựa sạch hộ dân tận dụng để tái sử dụng lại. Đối với rác thải nhựa tại những cơ sở bán đồ ăn vặt Hội cũng đã hướng dẫn và thu gom đến điểm tập kết “Ngôi nhà xanh” để bán gậy quỹ hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Năm 2023 UBND xã đầu tư thêm 11 “ngôi nhà xanh” để đặt tại các nhà văn hoá thôn, nhà văn hoá xã, UBND xã và Hợp tác xã. **Đánh giá đạt.**

c. Đánh giá: Tiêu chí 17 – Môi trường: Đạt theo yêu cầu.

5.18. Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥50%
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥60 lít
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥30%
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	≥100%
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%.
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo về sinh môi trường	100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung

Kết quả điều tra, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2023 trên địa bàn xã Phước Hưng cụ thể: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt theo quy chuẩn: đạt tỷ lệ 100%, trong đó: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: đạt tỷ lệ: 54,8%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: đạt tỷ lệ 45,2%.

Đánh giá chỉ tiêu 18.1 Đạt

- Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm

Trên địa bàn xã có 05 thôn được cấp nước sạch từ công trình cấp nước sạch Phước Quang và 01 thôn Quảng Nghiệp được Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định mở mạng đường ống cung cấp nước sạch cho nhân dân sử dụng đảm bảo cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 60 lít.

Đánh giá chỉ tiêu 18.2 Đạt

- Chỉ tiêu 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững

Trên địa xã không có công trình cấp nước tập trung, tuy nhiên công trình cấp nước sạch Phước Quang do Ban Quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện quản lý, khai thác và hoạt động bền vững ($\geq 30\%$).

Đánh giá chỉ tiêu 18.3 Đạt

- Chỉ tiêu 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm

Hiện nay tổng số cơ sở kinh doanh sản xuất trên dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã là 30/30 cơ sở thuộc quản lý của ngành y tế, 100% cơ sở được tập huấn về an toàn thực phẩm và được khám sức khỏe đầy đủ trong năm 2023.

Đánh giá chỉ tiêu 18.4 Đạt

- Chỉ tiêu 18.5: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã

Trong năm 2023 không có cơ sở nào bị xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và không có vụ việc ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn xã.

Đánh giá chỉ tiêu 18.5 Đạt

- Chỉ tiêu 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm

Trên địa bàn xã có 02/02 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Đạt 100%.

Đánh giá chỉ tiêu 18.6 Đạt

- **Chỉ tiêu 18.7:** Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch

Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch là 3.505/3.505 hộ, đạt 100%.

Đánh giá chỉ tiêu 18.7 Đạt

- **Chỉ tiêu 18.8:** Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo về sinh môi trường

rên địa bàn xã không có bãi chôn lấp rác thải tập trung. Chất thải rắn trên địa bàn được thu gom và lưu chứa tại kho và định kỳ hợp đồng thuê đơn vị dịch vụ môi trường Hậu Sanh thu gom xử lý theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

Đánh giá chỉ tiêu 18.8 Đạt

c. Đánh giá: Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống: Đạt theo yêu cầu.

5.19. Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Chỉ tiêu 19.1:** Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương

a) Hàng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) và căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Hàng năm căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên Đảng ủy, UBND xã đã ban hành văn bản lãnh đạo về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương như sau:

- Nghị quyết số 09-NQ/ĐU ngày 19/12/2022 của Đảng ủy xã Phước Hưng về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2023.

- Quyết định số 01-QĐ/UBND-m ngày 05/01/2023 của UBND xã Phước Hưng về việc Ban hành kế hoạch về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2023.

- Kế hoạch số: 01, 02/KH-BCH ngày 08/5/2023 Kế hoạch huấn luyện chiến đấu lực lượng dân quân cơ động, dân quân tại chỗ năm 2023.

b) Ủy ban nhân dân chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã

Xây dựng Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 và từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt như:

- Kế hoạch số: 01/KH-UBND ngày 14/7/2021 của UBND xã Phước Hưng về việc xây dựng Kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025.

- Hằng năm trên cơ sở nguồn kinh phí của trên Ban CHQS xã đã Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Điều chỉnh, bổ sung các văn kiện sẵn sàng chiến đấu kịp thời, đầy đủ.

+ Căn cứ Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Đã phối hợp cùng Công an, kiểm lâm, Nông nghiệp xã ban hành như:

- Quy chế số 03/QCPC-CA-QS-KLĐB-NL ngày 07/04/2023 về việc Phối hợp giữa Ban CHQS xã với Công an xã, Kiểm lâm, Nông nghiệp xã trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp lực lượng dân quân năm 2023, (đã được UBND xã Phê duyệt).

- Kế hoạch số số 04/KHPC-QS-CA-KL-NN ngày 07/4/2023 về việc phối hợp giữa Ban CHQS xã, Công an xã, Kiểm lâm và nông nghiệp xã trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp lực lượng dân quân năm 2023, (đã được UBND xã Phê duyệt).

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Ban chỉ huy quân sự xã

a) Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần: Đảm bảo theo quy định

b) Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng: Số lượng 01 đ/c.

(Quy định tại Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020, Chính phủ quy định chi tiết một số số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách với dân quân tự vệ.

c) Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

- Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng đã được đào tạo trung cấp, Cao đẳng ngành quân sự cơ sở và được Trung cấp chính trị.

- Hằng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TTBQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

d) Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng: có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

Đã bảo đảm nhà làm việc riêng cho Ban chỉ huy quân sự xã; trang thiết bị bảo đảm theo Hướng dẫn số 116/HD-DQ ngày 16/02/2022 về hướng dẫn bố trí biển bản, giấy, giá của ban CHQS cấp xã, đơn vị Dân quân tự vệ...

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng an ninh

- Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

+ Đã triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến về GDQPAN cho toàn dân trên các phương tiện thông tin đại chúng có nhiều chuyên viên tích cực đài phát thanh tích cực tuyên truyền về quốc phòng, an ninh, tăng thời lượng; chất lượng được nâng lên, có nhiều đổi mới về tổ chức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến có nhiều nội dung phong phú, phương pháp đa dạng, tạo sự hấp dẫn đối với các tầng lớp nhân dân; Công tác tuyên truyền còn được lồng ghép thông qua hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các ngày kỷ niệm của đất nước, địa phương; Thông qua hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về tình yêu quê hương, đất nước, biển đảo, trách nhiệm của thanh niên, trước nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới hiện nay.

+ Công tác bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 Hội đồng GDQPAN xã hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng và cập nhật những nội dung mới theo quy của pháp luật.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch đúng quy định như:

+ Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 về việc Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 trên địa bàn xã Phước Hưng năm 2024.

+ Quyết định số 01/QĐ-HĐGDQPAN ngày 24/7/2023 của Hội đồng GDQPAN xã về việc mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 cấp xã năm 2023, đã được Hội đồng GDQPAN huyện phê duyệt ngày 25/7/2023.

+ Đã tổ chức đăng ký, quản lý, thống kê các đối tượng theo quy định và thực hiện bồi dưỡng trong năm. Hội đồng GDQPAN xã đã cử công chức, viên chức và Đại biểu HĐND xã tham gia bồi dưỡng đối tượng 4 cấp huyện: 06 đ/c; Tham mưu Hội đồng GDQPAN xã triệu tập đối tượng 4 cấp xã và tổ chức cập nhật những nội dung mới quân số: 100 đ/c.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân:

a) Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Đã tổ chức luân phiên, kết nạp mới đúng quy định, tổng số biên chế 89 đ/c; Ban CHQS xã 04 đ/c; DQCD 28 đ/c; DQBC: 18 đ/c; DQTC: 39 đ/c. Bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; công tác đăng ký, quản lý vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ đúng theo quy định.

- Công tác huấn luyện hàng năm thực hiện hướng dẫn của cấp trên về công tác huấn luyện các đối tượng theo phân cấp tổ chức triển khai đầy đủ; bảo đảm huấn luyện đúng, đủ nội dung theo thông tư của Bộ Quốc phòng; Ban CHQS xã đã ban hành Kế hoạch số 01, 02/KH-BCH ngày 08/5/2023 của Ban CHQS xã trình Ban CHQS huyện phê duyệt kế hoạch về việc tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân cơ động, dân quân tại chỗ xã năm 2023. Bảo đảm vật chất, trang thiết bị, mô hình học cụ, phân công chuẩn bị giáo án, bài giảng theo nội dung chương trình huấn luyện cho các đối tượng đảm bảo.

b) Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

Đến nay Chi bộ quân sự xã có 13 đảng viên trong đó chính thức 10 đảng viên; 03 đảng viên dự bị. Chi bộ Quân sự xã có cấp ủy.

c) Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên. (Đảng viên trong lực lượng dân quân 22 đ/c đạt 24,7%; Thôn đội trưởng: Đảng viên; Trung đội trưởng DQCD: Đảng viên). Năm 2023 đã kết nạp 02 đảng viên mới.

d) Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. (Tổ chức huấn luyện bảo đảm nội dung chương trình, giáo án, bài giảng đảm bảo thời gian).

đ) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đã xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu lâu dài; xây dựng Kế hoạch trực

sẵn sàng chiến đấu thường xuyên và ngày lễ, tết, các ngày diễn ra sự kiện của đất nước và địa phương trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt; công tác phân ca trực đảm bảo.

e) Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

Phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 03/QCPH-CA-QS-KL-NL ngày 07/04/2023 về việc phối hợp với các ngành có liên quan trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP và kế hoạch số 04/KHPH-QS-CA-KL-NN ngày 07/4/2023 về việc phối hợp giữa Ban CHQS xã, Công an xã, Kiểm lâm địa bàn và cán bộ phụ trách nông lâm xã năm 2023, đã trình UBND xã phê.

Phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPH-CA-QS ngày 07/4/2023 về việc phối hợp giữa Công an xã, Ban CHQS xã, Kế hoạch số 02/KH-CA-QS ngày 07/4/2023 về hoạt động phối hợp trong thực hiện Nghị định số 03/2019 NĐ-CP, trình UBND xã ra phê duyệt quy chế, kế hoạch. Hằng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng có liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH ở địa phương.

Hàng tuần, tháng, quý, năm tổ chức hội ý trao đổi thông tin, giao ban, sơ kết, tổng kết theo quy định.

g) Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (01 trung đội dân quân cơ động); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

Hàng năm tham mưu UBND xã kiện toàn đội xung kích phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ: Quyết định số 213/QĐ-UBND của UBND xã ngày 16/6/2023 về việc kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự xã năm 2023.

h) Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao Quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

Hàng năm đều kiện toàn bổ sung công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện NVQS; đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân rộng rãi theo quy định;

Hàng năm đã tham mưu UBND xã ban hành Quyết định hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân và Quyết định kết nạp tham gia nghĩa vụ tham gia dân quân (tổ chức xét duyệt đúng trình tự luân phiên đúng quy định).

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên

khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Hàng năm công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được tiến hành chặt chẽ. Công tác huy động huấn luyện hàng năm bảo đảm theo quyết định giao chỉ tiêu của trên.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh

a) Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

- Đã tổ chức đăng ký, quản lý công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ đúng quy định.

- Hàng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

b) Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Quốc phòng. (Đăng ký tại huyện) trong năm 2023.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện đúng công tác bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên, chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương. Thực hiện tốt, không có vấn đề khiếu nại tố cáo trên địa bàn.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

*** Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

a) Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng theo đúng quy định.

b) Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên. (Tổ chức rà soát khen thưởng hàng năm về nhiệm vụ quốc phòng quân sự)

Đánh giá chỉ tiêu 19.1 Đạt

- **Chỉ tiêu 19.2:** Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả

Nội dung 01: Đạt các nội dung 1,2,3,5,7,8 điểm a khoản 1 của Hướng dẫn số 1759/HD-CAT-PV05, cụ thể:

Hàng năm, Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO.

- Hàng năm, Công an xã thường xuyên tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và tăng cường công tác phong trào toàn dân bảo vệ ANTO trên địa bàn xã, tiêu biểu một số văn bản như:

+ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU, ngày 17/01/2022 của Đảng ủy xã Phước Hưng về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, công tác Công an năm 2022.

+ Nghị quyết số 10-NQ/ĐU, ngày 30/12/2022 của Đảng ủy xã Phước Hưng về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, công tác Công an năm 2023.

+ Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 01/02/2022 của UBND xã Phước Hưng về thực hiện nghị quyết số 07-NQ/ĐU, ngày 17/01/2022 của Đảng ủy xã về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, công tác Công an năm 2022.

+ Kế hoạch số 07/KH-UBND, ngày 01/02/2023 của UBND xã Phước Hưng về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/ĐU, ngày 30/12/2022 của Đảng ủy xã về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, công tác Công an năm 2023.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

Trong đó, quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124 như sau:

a) *Hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;*

b) *Hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;*

c) *Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;*

d) *Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;*

đ) *Hoạt động ly khai, đòi tự trị.*

Công an xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Hiện tại, trên địa bàn xã Phước Hưng không xảy ra các hoạt động phá hoại mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh, trật tự.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật:

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

+ Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Công an xã thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát nắm tình hình địa bàn; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân; chủ động phát hiện những mâu thuẫn và giải quyết ngay từ cơ sở, không để sự việc diễn biến phức tạp và hình thành “điểm nóng”, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật gây ảnh hưởng đến ANTT.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng).

- Trong năm 2023, số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn xã cơ bản được kiểm chế. Cụ thể:

+ Về phạm pháp hình sự: Xảy ra 05 vụ, gồm 03 vụ “Trộm cắp tài sản”, 01 vụ “Đâm ô đối với người dưới 16 tuổi”, 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. So với cùng kỳ năm 2022 (xảy ra 12 vụ, gồm: 09 vụ “Trộm cắp tài sản”, 01 vụ “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 01 vụ “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”), giảm 07 vụ (giảm 58%).

+ Về tệ nạn xã hội: Xảy ra 06 vụ, gồm: 05 vụ đánh bạc và 01 vụ sử dụng trái phép chất ma túy. So với cùng kỳ năm 2022 (xảy ra 08 vụ đánh bạc), giảm 02 vụ (giảm 25%).

+ Về tai nạn giao thông: Xảy ra 03 vụ. So với cùng kỳ năm 2022, không tăng, không giảm.

+ Về tình hình cháy, nổ: Không xảy ra. So với cùng kỳ năm 2022, không tăng, không giảm.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (trừ các xã có đường biên giới quốc gia đất liền, xã đảo).

Căn cứ Quyết định số 8335/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc công nhận xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện năm 2022, xã Phước Hưng được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”, do đó không thuộc diện xã phức tạp về an ninh, trật tự.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên (đối với những nơi đủ điều kiện để bình xét danh hiệu thi đua), không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BCA, ngày 29/5/2019 của Bộ Công an quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an huyện đã tiến hành họp xét các danh hiệu thi đua năm 2023 và đề nghị tập thể Công an xã Phước Hưng đạt “Đơn vị tiên tiến”. Qua theo dõi CBCS Công an xã đều hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có đồng chí nào vi phạm dẫn đến bị xử lý kỷ luật. Ngoài ra, lực lượng Công an xã bán chuyên trách tại 07 thôn trên địa bàn xã đều được UBND xã đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Nội dung 02: Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng).

- Lực lượng Công an xã chủ động phối hợp với các ban, ngành, hội đoàn thể tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và đổi mới nội dung, hình thức phù hợp với tình hình, đặc điểm địa phương. Thường xuyên vận động quần chúng nhân dân nâng cao ý thức tự giác tham gia phòng ngừa, đấu tranh phát hiện, tố giác tội

phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Tiến hành gọi hỏi, răn đe, tuyên truyền cá biệt các đối tượng là thanh thiếu niên có biểu hiện vi phạm pháp luật. Qua đó, ý thức chấp hành pháp luật của quần chúng nhân dân trên địa bàn xã nhìn chung có chuyển biến tích cực, thể hiện qua số vụ vi phạm pháp luật trên địa bàn được kéo giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong năm không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an.

Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.

Nội dung 03: Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Hiện nay trên địa bàn xã có 07 mô hình tự quản về ANTT, cụ thể:

+ Mô hình “Hộ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội” tại Hộ đạo thuộc Giáo họ Nho Lâm xây dựng ngày 08/02/2016.

+ Mô hình “Hộ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội” tại 03 Hộ đạo thuộc Giáo xứ Vườn Vòng, thôn Quảng Nghiệp xây dựng ngày 04/5/2017.

+ Mô hình “Camera an ninh” xây dựng ngày 11/10/2017.

+ Mô hình “Camera an ninh” tại xóm 8, thôn An Cứu của Hội CCB xã Phước Hưng xây dựng ngày 03/01/2023.

+ Mô hình “Khu dân cư an toàn phòng cháy chữa cháy” tại thôn Quảng Nghiệp xây dựng ngày 09/3/2023.

+ Mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC” tại xóm 5, thôn Quảng Nghiệp xây dựng ngày 30/5/2023.

+ Mô hình “Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ HTX NN Phước Hưng” xây dựng ngày 20/7/2023.

Từ khi đưa vào hoạt động, Ban điều hành mô hình “Hộ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội” luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên nhắc nhở thành viên trong giáo họ đoàn kết, sống tốt đời đẹp đạo và chấp hành nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; chủ động hòa giải những vấn đề mâu thuẫn nhỏ trong giáo họ và kịp thời động viên khen thưởng những cá nhân trong giáo họ đạt những thành tích trong lao động và học tập.

Các mô hình trên lĩnh vực PCCC và CNCH tuy mới được thành lập và đưa vào hoạt động nhưng bước đầu đã giúp cho người dân nâng cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa cháy, nổ; chủ động trang bị các phương tiện dụng cụ chữa cháy phù hợp cũng

như thường xuyên rèn luyện kỹ năng PCCC để phòng ngừa và kịp thời cứu chữa có hiệu quả khi có cháy, nổ xảy ra, giảm thiệt hại thấp nhất trước khi lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp có mặt tại hiện trường.

Bên cạnh đó, mô hình “Camera an ninh” với tổng số 40 mắt được lắp đặt trên địa bàn xã hoạt động như một “nhân chứng sống” đã và đang phục vụ đắc lực trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm; thông qua hệ thống camera an ninh, lực lượng Công an đã kịp thời phát hiện, đấu tranh làm rõ nhiều thủ đoạn tinh vi của các loại tội phạm, giúp thu thập được nhiều chứng cứ xử lý các vụ việc xảy ra trên địa bàn, góp phần ổn định ANTT

Đánh giá chỉ tiêu 19.2 Đạt

c. Đánh giá: Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh: Đạt theo yêu cầu.

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Hưng

- Tổng nguồn vốn đã bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã từ năm 2015 đến ngày 31/12/2023 là: **146.198 triệu đồng.**

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án tính đến ngày 15/12/2023 là: **137.642 triệu đồng.**

- Như vậy, đến ngày 31/12/2023, Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

a. Quan điểm

Xây dựng xã Phước Hưng trở thành xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2023 là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý, điều hành của chính quyền, tuyên truyền vận động của MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội từ xã đến thôn. Chủ động vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách, kết hợp với huy động đa dạng các nguồn lực để xây dựng NTM nâng cao, huy động đa dạng các nguồn lực cùng với sự đóng góp của nhân dân; tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công, đem lại lợi ích lớn nhất cho cộng đồng dân cư. Góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

b. Mục tiêu

Trong năm 2023 đạt xã nông thôn mới nâng cao và phấn đấu đến năm 2024 đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, tăng mức độ hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn, gắn với tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống văn hóa, cải thiện môi trường, chất lượng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội và đảm bảo tốt an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

c. Nội dung, giải pháp

- *Đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển*

dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho người dân.

Tiêu chí về thu nhập: Nâng cao thu nhập cho người dân trên cơ sở thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và các Chương trình của tỉnh, của huyện. Khuyến khích tạo điều kiện cho người dân liên doanh, liên kết phát triển sản xuất kinh doanh, hình thành sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống.

Tiêu chí về hộ nghèo: Tiếp tục giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã từ 1 – 1,5%; tạo điều kiện cho các hộ nghèo trực tiếp tham gia các chương trình phát triển kinh tế để thoát nghèo, tăng thu nhập và từng bước nâng cao mức sống của người dân phấn đấu đến năm 2025 xã không còn hộ nghèo. Hướng dẫn các tầng lớp nhân dân tiếp cận đầu tư kinh doanh các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: Nâng cao tỷ lệ có việc làm thường xuyên trên cơ sở thống kê lực lượng lao động trên địa bàn xã, phân nhóm độ tuổi. Phối hợp với các cơ sở đào tạo mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề cho người lao động.

Tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất: Tiếp tục chỉ đạo phát triển các hình thức sản xuất phù hợp, hiệu quả hỗ trợ cho nông dân trong việc xây dựng và nhân rộng các mô hình, xây dựng nhà máy gạo, xây dựng gạo an toàn mang sản phẩm gạo Phước Hưng.

Hỗ trợ khuyến khích nông dân mạnh dạn chuyển đổi nghề nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt để nâng cao năng suất, giá trị của sản phẩm, giảm thiểu thiệt hại của dịch bệnh gây ra; đưa cơ giới hóa vào sản xuất, phát triển, nhân rộng các mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện đất đai hiện có của địa phương.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp các tiêu chí về giao thông, trường học, chợ, môi trường, điện, thủy lợi, buru điện, nhà văn hóa thôn và các thiết chế văn hóa xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn.

Tiêu chí về giao thông: Tổ chức duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp sửa chữa, mở rộng các tuyến đường trục thôn, xóm, đường trục nội đồng, đảm bảo giao thông thông suốt đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

Tiêu chí thủy lợi: Tiếp tục đầu tư, duy tu, sửa chữa các tuyến kênh mương trên địa bàn đáp ứng yêu cầu sản xuất của người dân.

Tiêu chí điện: Chỉ đạo HTX thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra đảm bảo cung cấp điện an toàn phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã.

Tiêu chí Trường học: Tiếp tục tham mưu, đề xuất cấp trên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường Mầm non Phước Hưng đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 trong năm 2023, phấn đấu đến năm 2030 Trường tiểu học số 1 đạt Quốc gia mức độ 2, đạt 4/4 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp khu thiết chế văn hóa xã, thôn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, mua sắm các trang thiết bị Nhà văn hóa, khu thể thao đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao của nhân dân trên địa bàn xã.

Tiêu chí Chợ nông thôn: thực hiện tốt công tác đảm bảo ATTP, vệ sinh môi trường xung quanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tiểu thương buôn bán kinh doanh.

Tiêu chí Bưu điện: Tiếp tục duy trì điểm Bưu điện văn hóa xã theo tiêu chuẩn Bộ thông tin và truyền thông. Khuyến cáo nhân dân biết tiện ích và cách sử dụng Internet để sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt đời sống sinh hoạt thường ngày.

Tiêu chí nhà ở dân cư: Tiếp tục khuyến khích người dân đầu tư xây dựng, nâng cấp nhà ở đáp ứng theo tiêu chuẩn Bộ xây dựng đảm bảo 3 cứng (nền cứng, tường cứng, mái cứng) và diện tích nhà ở 14m²/người trở lên, có các công trình phụ trợ được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt.

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, môi trường.

Tiêu chí về Giáo dục: Nâng cao chất lượng công tác dạy và học ở các cấp học. Tiếp tục nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).

Tiêu chí về Y tế: Duy trì, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo gắn với việc duy trì, giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Tích cực tuyên truyền, vận động, huy động tối đa sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, vận động người dân tham gia BHYT đạt 100%,...

Tiêu chí về Môi trường: Duy trì hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tiếp tục đề xuất UBND huyện quan tâm đầu tư hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung cho thôn Biểu Chánh và xóm 3 thôn Quảng Nghiệp, tối thiểu cho 80% hộ dân trên địa bàn xã; có trên 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt chuẩn về môi trường. Đường ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh – sạch – đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường. Tiếp tục triển khai quy chế quản lý nghĩa trang và thực hiện theo quy chế; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý đúng theo quy định.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội: Tiếp tục công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ kiêm nhiệm công tác xây dựng nông thôn mới hoàn thành tốt nhiệm vụ hiện tại và tương lai.

Tiêu chí về An ninh, trật tự xã hội: Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn như: Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống đối đảng, chính quyền, truyền đạo trái phép, khiếu kiện đông người kéo dài, tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội,...

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM.

Đảng bộ xác định công tác tuyên truyền, quán triệt trong hệ thống chính trị và triển khai ra dân hiểu mục đích, ý nghĩa, quyền và trách nhiệm chủ thể của người dân cùng với Đảng, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định đến việc tổ chức thực hiện thắng lợi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Do đó, ngay sau khi Quy hoạch, Đề án được phê

duyệt, Đảng bộ đã tập trung công tác tuyên truyền, triển khai vận động ra dân một cách sâu, rộng thông qua các đoàn thể, các nhóm dân cư. Hàng tháng, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, Ban phát triển thôn phối hợp các ban ngành đoàn thể từ xã đến thôn đã tổ chức lồng ghép tuyên truyền nội dung và phương pháp về xây dựng nông thôn mới trong các cuộc họp tham gia, góp ý, thông qua đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của xã.

- Tập trung huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận, các ban ngành và các hội đoàn thể xã tổ chức phát động phong trào thi đua phấn đấu đạt tiêu chí và mục tiêu, nhiệm vụ của ngành trong xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên nắm bắt, phát hiện những cách làm hay, mô hình tốt để nhân ra diện rộng; biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường sự lãnh chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý nhà nước của chính quyền, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị xã hội ở xã, thôn. Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, do đó mỗi cán bộ, đảng viên, hội viên là người tiên phong gương mẫu trong quá trình tham gia thực hiện.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban quản lý phụ trách từng thôn, nắm bắt tình hình và hướng dẫn các thôn thực hiện xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù của địa phương.

Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, khi được phân công phải theo sát và đẩy mạnh thực hiện công việc được giao.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ nông thôn mới nâng cao của xã Phước Hưng đã lập đầy đủ các thủ tục hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Hưng

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Phước Hưng đã được các ngành của UBND huyện Tuy Phước thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

(Kèm theo biểu tổng hợp kết quả thẩm tra 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Phước Hưng)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Hưng

- Tổng kinh phí đã bố trí thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao từ năm 2015 đến năm 2023 trên địa bàn xã là: **146.198** triệu đồng, bao gồm:

- Vốn Trung ương: 2.932 triệu đồng, chiếm 2,0%;
- Vốn ngân sách tỉnh: 4.666 triệu đồng, chiếm 3,19%;
- Vốn ngân sách huyện: 30.184 triệu đồng, chiếm 20,64%;
- Vốn ngân sách xã: 103.282 triệu đồng, chiếm 70,64%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 4.792 triệu đồng, chiếm 3,27%;
- Vốn huy động đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng: 340 triệu đồng, chiếm 0,23%;

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án tính đến ngày 15/12/2023 là: **137.642 triệu đồng.**

- Như vậy, đến ngày 31/12/2023, Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

III. KIẾN NGHỊ

UBND huyện Tuy Phước kính đề nghị UBND tỉnh Bình Định và các sở, ngành của tỉnh quan tâm, xem xét tổ chức thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Hưng, để xét và công nhận xã Phước Hưng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở NN & PTNT tỉnh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VPĐP XD NTM huyện;
- UBND xã Phước Hưng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Nam

PHỤ LỤC:
BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2023
đối với xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Tuy Phước)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn theo QĐ 2224 của tỉnh	Kết quả thực hiện NTM năm 2015	Kết quả thực hiện NTM NC đến năm 2023	Kết quả đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đồ án QH chung NTM được phê duyệt tại Quyết định số 2172/QĐ – UBND ngày 13/11/2012 quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Hưng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020	Xã có Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 2172/QĐ-CTUBND ngày 13/11/2012 và đã điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xã Phước Hưng đến năm 2025 tại Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 21/3/2023. Tuy nhiên để phù hợp với tình hình thực tế địa phương đã thuê đơn vị tư vấn quy hoạch sở Nông nghiệp lập Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước đến năm 2035.	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt		Có quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 06/3/2015	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt		Có quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã được phê duyệt tại Quyết định số 1564/QĐ-CTUBND ngày 21/7/2009 và Quyết định 6238/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đồ án quy hoạch Trung tâm xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng -	100% và đường đạt tối thiểu	Đường xã đã bê tông 6,41km/6,41 km mặt	Đường xã dài 6,41/6,41 km (nền đường 10m, mặt đường rộng 8m) được Bê tông nhựa, đảm bảo sáng -	100%	Đạt

		<p>xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định</p>	<p>đường cấp VI theo TCVN 4054:2005 (trong đó, mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa)</p>	<p>đường 8m, nền đường 10m, đạt 100%.</p>	<p>xanh - sạch - đẹp, có các hạng mục cần thiết (có hệ thống chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh, có biển báo, biển chỉ dẫn</p>		
		<p>2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp</p>	<p>100%</p>	<p>Đường thôn dài đã bê tông 3,71km/3,71km đạt 100%.</p>	<p>Đường trục thôn đã được bê tông với chiều dài 3,71km/3,71km đạt 100%, trong đó đã bê tông nhựa 2,46km và 95% đường thôn đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, việc bảo trì được thực hiện thường xuyên hàng năm, tổ chức kiểm tra tu bổ sửa chữa các điểm sạt lở, hư hỏng, bong tróc ...</p>	<p>100%</p>	
			<p>70%</p>		<p>Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Trên các tuyến đường thôn được đầu tư lắp đặt điện chiếu sáng bằng bóng đèn tiết kiệm điện và năng lượng mặt trời thấp sáng các tuyến đường.</p>	<p>100%</p>	
		<p>2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp</p>	<p>≥90%</p>	<p>Đường ngõ xóm đã bê tông là 38,86km/49,9km, đạt 77,87%, còn lại cứng hóa có lu lèn, sạch đảm bảo không lấy lợi vào mùa mưa</p>	<p>Đường ngõ xóm có chiều dài 49,9 km, trong đó: đã bê tông nhựa 6,66 km; BTXM 37,12 km; cứng hoá bằng đá sỏi, dôi dài 5,22 km (đạt 98,19%) còn lại đường đất dài 0,9 km; thực hiện Kế hoạch thấp sáng điện đường giao thông nông thôn, đến nay đã tổ chức vận động nhân dân tham gia xây dựng 45,9 km điện đường nông thôn</p>	<p>98,19%</p>	
		<p>2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa</p>	<p>≥90% (trong đó, mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa) và đạt đường loại B hoặc loại C</p>	<p>Đường trục chính nội đồng dài 9,91 km được cứng hoá bằng sỏi dôi, đá dăm đảm bảo giao thông thuận tiện.</p>	<p>Tổng chiều dài đường nội đồng 9,91km, theo quy định của tiêu chí phải được cứng hóa bằng BTXM hoặc nhựa hoá đạt tỷ lệ ≥ 90%. Đến nay, đã BTXM với chiều dài 3,43 km/9,91km, đạt 34,61%. Hiện nay đang đầu tư 5,62km nâng tổng chiều dài được bê tông là 9,05/9,91km, đạt 91,32% (chi tiêu ≥70%). Đạt.</p>	<p>91,32%</p>	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên	<p>3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động</p>	<p>≥90%</p>	<p>Hệ thống thủy lợi trong xã khá hoàn chỉnh và được HTX quản lý làm dịch vụ thủy lợi nội đồng đáp ứng tốt yêu cầu sản</p>	<p>Diện tích nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động là 666,4/686,5ha, đạt 97,1%.</p>	<p>97,10%</p>	Đạt
		<p>3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả,</p>	<p>Đạt</p>		<p>Có HTX NN Phước Hưng đảm bảo cung ứng dịch vụ thủy lợi hiệu quả, bền vững</p>	<p>Đạt</p>	

	tai	bền vững		xuất và dân sinh, đã kiên cố 8,93/13,3km kênh mương nội đồng, đạt 67,1%			
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥5%		Xã áp dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên cánh đồng lớn ở thôn Tân Hội – Lương Lộc theo dự án SRI với diện tích 100/686,5ha, chiếm 14,57%	14,57%	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt		TCó 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Các công trình thủy lợi được Công ty khai thác công trình thủy lợi 3 Bình Định và HTX NN hàng năm nạo vét, duy tu, sửa chữa	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt		Việc thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Hàng vụ 02 Hợp tác xã thường xuyên kiểm tra, kiểm soát nguồn nước thải của dân thải ra công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá		Xã chủ động về phòng chống thiên tai giảm thiểu rủi ro. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Thành lập BCH phòng chống thiên tai, đồng thời xây dựng phương án về phòng chống thiên tai giảm thiểu rủi ro đảm bảo tính chủ động khi có tình huống xảy ra.	Khá	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%		Có 3.777/3777 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%, trong đó: có 3.623 hộ do HTX quản lý sử dụng và 154 hộ do Điện lực An Nhơn quản lý. Hệ thống lưới điện được HTX đầu tư với quy mô 14 trạm biến áp với dung lượng 3.140kVA được phân bổ trên toàn địa bàn xã. Với chiều dài lưới điện thuộc 0.4kV là 22.024km và 0.2kV là 12.7km. Vì vậy HTX đảm bảo được chất lượng điện năng cho việc cung cấp điện an toàn và hiệu quả đến khách hàng sử dụng điện. Đã lập hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu	100%	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	≥100%	Xã có 01 trường THCS; 02 trường Tiểu học; 01 trường Mầm non; Có 4/4 trường đạt trường chuẩn đạt chuẩn mức độ 1.	Trên địa bàn xã có 01 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học và 01 trường THCS, trong đó 04 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và 02 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2). + Trường Mầm non xã - Chuẩn Quốc gia mức độ 1 Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Bình Định) + Trường Tiểu học số 1 - Chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của UBND tỉnh Bình Định) + Trường Tiểu học số 2 - Chuẩn Quốc gia mức độ 2	100%	Đạt

					(Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định) + Trường THCS Phước Hưng - Chuẩn Quốc gia mức độ 2 (Quyết định số 4937/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định)		
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt		Công tác nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được duy trì một cách thường xuyên đánh giá đạt theo quy định	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3		Công tác duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đánh giá xã đạt mức độ 3	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2		Công tác xóa mù chữ đánh giá xã đạt mức độ 2	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá		Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại tốt	Tốt	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt		Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt): 4/4 trường đều có mô hình giáo dục thể chất như nhảy erobic, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, duy trì hoạt động hàng năm	Đạt	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Nhà văn hóa xã với diện tích 4.102m ² , trong đó diện tích để xây dựng khu hội trường văn hóa đa năng là 770m ² . Hội trường văn hóa đa năng có sức chứa 250 chỗ ngồi. Quy hoạch và xây dựng sân vận động xã với diện tích 7.968m ² . Quy hoạch và xây dựng sân vận động xã với diện tích 7.968m ² . Đầu tư xây dựng mới và mở rộng 7 nhà văn hóa, khu thể thao thôn, đảm bảo diện tích theo quy định, đến nay xã có 7/7 thôn trong xã đã có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định	Trung tâm văn hoá thể thao xã- nhà văn hoá khu thể thao thôn: Xã có Trung tâm VHTT xã có diện tích 12.070 m ² , trong đó Hội trường Văn hoá đa năng, khu thể thao thể thao đơn giản diện tích 4.102m ² ; Sân vận động 7.968m ² (Trong đó có 1 sân bóng đá với kích thước 75m x 100m; Có khán đài, các đường chạy điền kinh và công trình phụ trợ khác. + Có lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng: 8/8 điểm công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời đạt 100%.+ UBND xã phối hợp Mặt trận và các Hội đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao thường xuyên, thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 12/2010/TT-BVHTTDL.	Đạt	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt		Xã có 01 di tích lịch sử cấp Quốc gia “Nơi diễn ra vụ thảm sát Nho Lâm (1966) được Bộ VHTTDL công nhận tại Quyết định số 2009/QĐ ngày 15/11/1991. Hàng năm UBND xã đều có Kế hoạch tu bổ, chăm sóc và phát huy đúng giá trị. Thường xuyên quảng bá trên fambay du lịch và trang thông tin điện tử của xã.	Đạt	

		6.3. Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch.	Có 7/7 thôn duy trì đạt thôn văn hoá, tỉ lệ 100%. Có 3.312/3.548 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá 3 năm liền, đạt 93,3% và có 500 hộ gia đình đạt gia đình văn hoá tiêu biểu 3 năm liền được UBND xã tặng giấy khen đạt 15,15%.	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ đạt tiêu chí nông thôn mới theo quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt	Trên địa bàn xã có 01 chợ với diện tích 3.156m ² . Để thực hiện đạt tiêu chí này trong 05 năm qua địa phương đã mở rộng diện tích của chợ lên 3.611m ² , trong đó diện tích xây dựng nhà lồng và ki ốt với diện tích 903m ² , diện tích mua bán ngoài trời 2.506m ² , diện tích đường giao thông nội bộ và bãi đỗ xe 202m ² .	Xã có 01 Chợ Háo Lễ được đầu tư xây dựng với diện tích là 1.440 m ² đáp ứng theo tiêu chuẩn của Bộ công thương <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng hiệu thể hiện tên chợ; - Nền chợ được bê tông hóa, đường nội bộ được bê tông nhựa; Có bãi đỗ xe ngoài trời phù hợp với lưu lượng người vào chợ, bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách. - Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Có đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo thông thoáng, hợp vệ sinh. - Trong chợ đều có bố trí thùng để rác, có điểm tập kết rác trong khuôn viên chợ, được BQL NS&VSMT huyện Tuy Phước thu gom theo lịch quy định thu gom 03 lần/tuần. - Về điều hành quản lý chợ: có thành lập Ban quản lý chợ và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chợ. - Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. 	Đạt	Đạt
		8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Xã có 01 bưu điện với diện tích xây dựng 61 m ² . Bưu điện văn hóa xã cung cấp được cả 02 dịch vụ: Bưu chính và viễn thông. Cụ thể: phục vụ bưu phẩm trong nước và thư gửi đi nước ngoài, phát hành báo chí, tem bưu chính, điện báo, điện thoại trong nước và quốc	Xã có 01 bưu điện với diện tích 61 m ² , trang thiết bị phù hợp với tình hình tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính. Hoạt động có hiệu quả với đầy đủ: biển tên điểm phục vụ, bảng niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại địa điểm phục vụ, có thùng thư công cộng và được lắp đặt ở vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận và đảm bảo an toàn cho người gửi. Bưu chính là điểm giao dịch của các doanh nghiệp bưu chính chính để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa; cụ thể: dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến	Đạt	Đạt

8	Thông tin và Truyền thông			<p>tế- Toàn xã có 11 điểm kinh doanh dịch vụ Internet được phân bố hầu hết ở các thôn. Ngoài ra trên địa bàn xã còn có trên 300 hộ sử dụng Internet, Wifi cá nhân.</p>	<p>02kg; dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg. Điểm bưu điện văn hoá xã ngoài việc đáp ứng phục vụ là bưu chính, là điểm giao dịch; địa phương đã cùng các cơ quan liên quan đã tiến hành sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; tiếp tục trang bị đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị để đảm bảo phục vụ bưu chính đáp ứng dịch vụ công trực tuyến cho người dân như: trang bị 02 máy tính với cấu hình cao (intel core i5) để truy cập inernet, đường truyền kết nối internet tốc độ cao (111,4Mbps) để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 như: cấp đổi giấy phép lái xe (xe máy – mô tô) và các thủ tục khác; bổ sung bàn ghế, tủ,..để phục vụ và là điểm cung cấp xuất bản phẩm cho nhân dân địa bàn.</p>	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	$\geq 80\%$	<p>Xây dựng Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND xã Phước Hưng về việc tổ chức điều tra, rà soát người sử dụng điện thoại thông minh, hộ gia đình sử dụng thông tin nghe nhìn và cài đặt ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, số sức khoẻ điện tử, dịch vụ công để thực hiện các nội dung tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2023. Qua điều tra, rà soát tỷ lệ người dân theo độ tuổi lao động trên địa bàn xã sử dụng điện thoại thông minh có 6.802/8.219 đạt 82,76%.</p>	82,76%	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	<p>Đài truyền thanh xã sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông, đầu tư và lắp đặt 15 cum với 30 loa cho 7/7 thôn trên địa bàn xã đều hoạt động tốt, việc phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương qua hệ thống loa đảm bảo thường xuyên, liên tục. + Có 3.711/ 3.786 hộ gia đình trên địa bàn xã có thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet đạt 98%.</p> <p>+ Có 03 điểm cung cấp xuất bản phẩm: Photo copy Minh Ngọc, Photo copy Thanh Vy, Photo copy Như Ý đang cung cấp các dịch vụ báo, tạp chí, sách vở.... cho người dân</p>	Đạt	

		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Xã có 01 bưu điện với diện tích xây dựng 61 m ² . Bưu điện văn hóa xã cung cấp được cả 02 dịch vụ: Bưu chính và viễn thông. Cụ thể: phục vụ bưu phẩm trong nước và thư gửi đi nước ngoài, phát hành báo chí, tem bưu chính, điện báo, điện thoại trong nước và quốc tế- Toàn xã có 11 điểm kinh doanh dịch vụ Internet được phân bố hầu hết ở các thôn. Ngoài ra trên địa bàn xã còn có trên 300 hộ sử dụng Internet, Wifi cá nhân.	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới (đạt): + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt: 65% (915 hồ sơ giải quyết trực tuyến/1406 tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của xã). + Phối hợp với Sở thông tin tuyên thông đã tổ chức tập huấn, triển khai phổ biến, hướng dẫn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin cho 21/21 cán bộ công chức xã Phước Hưng, đạt tỷ lệ 100%. + Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 26/6/2023 của UBND xã Phước Hưng về việc tổ chức triển khai phổ biến, hướng dẫn kiến thức sử dụng máy tính, kỹ năng số cho người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Phước Hưng, Phối hợp với Đoàn thanh niên xã, Tổ công nghệ số cộng đồng, Đài truyền thanh xã tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong độ tuổi lao động nắm bắt về kiến thức sử dụng máy tính, kỹ năng số cơ bản như truyền hướng dẫn tại các Nhà văn hoá thôn, tại Hội trường Trung tâm văn hoá - thể thao xã, các điểm công cộng đông người có 5.858/8.219 đạt tỷ lệ 71.27%. + Hiện nay xã có 1 sản phẩm OCOP Gạo quê Phước Hưng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 27/10/2021; địa phương đã phối hợp với Bưu điện huyện Tuy Phước giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử Postmart.vn.	Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt		Tại UBND xã, Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm văn hoá thể thao xã và 7/7 thôn trên địa bàn xã đã được lắp đặt mạng Wifi miễn phí.	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥85%	Xã có 3.012/3.012 ngôi nhà đảm bảo đủ 3 cứng: nền cứng, khung cứng và	Qua rà soát trên địa bàn xã có 3.505/3.505 nhà đạt theo Văn bản số 2307/BXD-QHKT của Bộ Xây dựng hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	100%	Đạt

				mái cứng đạt tỷ lệ 90%	nâng cao giai đoạn 2021-2025 chiếm tỷ lệ 100%.		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	≥ 56	Thu nhập bình quân đầu người là 28 triệu đồng	Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 59,85 triệu đồng	5985%	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Theo công bố của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Tỷ lệ hộ nghèo 3,26%	Qua rà soát tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 là 1,74%; Tỷ lệ hộ cận nghèo 0,95%; Tỷ lệ nghèo đa chiều: 1,74% + 0,95% = 2,69%	2,69%	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	Có 7.572 người trong độ tuổi lao động, chiếm 59,08% dân số. Lao động có việc làm thường xuyên là 7.476/7.572, đạt 98,73%, lao động đã qua đào tạo có 3.419 người, chiếm 45,15%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 6.657/8.219 chiếm tỷ lệ 81,00%	81,00%	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$		Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 2.548/8.219 chiếm tỷ lệ 31%	31,00%	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 19\%$		Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực 1.950/8.219 đạt tỷ lệ 23,73%,	23,73%	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Có 1 HTX NN với 6 loại hình dịch vụ hoạt động có hiệu quả như: dịch vụ phân bón, thủy lợi, điện nông thôn, xăng dầu, tín dụng nội bộ, sản xuất lúa giống.	HTX NN Phước Hưng được tổ chức, hoạt động theo đúng Luật HTX đạt hiệu quả; có hợp đồng liên kết giống ổn định với Công ty TNHH Thái Bình seed – Miền trung Tây nguyên và Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và phát triển nông nghiệp ADI	1	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 1		HTX có sản phẩm gạo quê Phước Hưng đạt chứng nhận OCOP hạng 3 sao	1	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1		Có 01 mô hình của ông Ngô Quốc Hưng ở thôn Biều Chánh áp dụng công nghệ cao cung cấp giống hoa cúc cho địa phương và các tỉnh lân cận và 01 mô hình cánh đồng lớn liên kết sản xuất lúa giống với diện tích 100 ha	2	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Khuyến khích		Có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, như Lúa BC15, ST25, ĐV 108	Khuyến khích	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$		Có sản phẩm gạo quê Phước Hưng được bán qua kênh thương mại điện tử, tại http://htxnongnghiepphuochung.com và kênh bán hàng của hệ thống Bưu điện tỉnh	10%	

		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Khuyến khích		UBND xã giao cho HTX NN Phước Hưng 4ha đất trồng lúa để làm vùng nguyên liệu xây dựng sản phẩm “Gạo quê Phước Hưng” và sản phẩm được cấp mã QR Code	Đạt	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt		Có triển khai quảng bá hình ảnh du lịch của xã thông qua thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội, như: xây dựng trang thông tin điện tử http://phuochung.tuyphuoc.binhdingh.gov.vn và Quảng bá hình ảnh về du lịch xã trên trang thông tin điện tử và fambay du lịch của xã	Đạt	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt		Xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Xã đã xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa theo chuỗi đa giá trị về kinh tế, môi trường trên 100 ha cánh đồng lớn ở thôn Tân Hội và Lương Lộc	Đạt	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Trạm Y tế xã có diện tích 1.247,8m ² , trong đó diện tích xây dựng 200m ² . Có 7 phòng phục vụ công tác khám chữa bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế có 9 người, trong đó có 1 bác sỹ đảm bảo việc khám chữa bệnh cho người dân, thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, đã vận động 9.175/12.817 người tham gia bảo hiểm y tế đạt 71,58%.	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn dân 12.027/12.464 đạt tỷ lệ 96,5%.	96,50%	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$		Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe trên hệ thống phần mềm quản lý của y tế, đến nay tỉ lệ người dân được quản lý trên phần mềm đạt 91,2%.	91,20%	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$		Xây dựng Kế hoạch, tổ chức cài đặt, tạo tài khoản, tải ứng dụng khám chữa bệnh từ xa 6.161/12.464 người đạt 49,43%.	49,43%	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$		Tiến hành cài đặt sổ khám chữa bệnh điện tử gắn với Đề án 06 của xã, đến nay có 8.751/12.464 đạt 70,2%.	70,20%	
		15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt		Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: + Có bố trí máy Scan tại Bộ phận Một cửa để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: 03 máy. + 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được bố trí máy tính để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: 05/05 máy tính, đạt 100%.	Đạt	Đạt

15	Hành chính công				<ul style="list-style-type: none"> + 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được cấp chữ ký số cá nhân: 05/05 công chức đã cấp chữ ký số, đạt 100%. + Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt tối thiểu 5%/Tổng số hồ sơ chứng thực: 9 tháng đầu năm 2023 phát sinh 527/925 hồ sơ chứng thực điện tử, đạt tỷ lệ 56,97%. 	
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt		<p>Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) và dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 50% trở lên trên tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ: 9 tháng đầu năm 2023 có 12/12 thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến, đạt 100%</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến một phần và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt từ 50% trở lên: 9 tháng đầu năm 2023, số lượng hồ sơ giao dịch trực tuyến: 691/746 hồ sơ, đạt 92,63% + Tỷ lệ thanh toán trực tuyến thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán: 9 tháng đầu năm 2023, số lượng hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến 1.092/1.199 hồ sơ, đạt 91,08%. 	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt		<p>Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định: 148/148 thủ tục hành chính được công khai, đạt 100%.</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo đổi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ: 148/148 thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, đạt 100%. + Đã thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành 	Đạt

					<p>chính theo quy định tại nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ: số hóa hồ sơ 889/1.487, đạt 59,8 %.</p> <p>+ Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã: giải quyết trước hạn, đúng hạn 4.105/4.112 hồ sơ, đạt 99,82%.</p> <p>+ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên: 98,28 điểm (Xếp loại Xuất sắc).</p> <p>+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ: 18/18 điểm, đạt 100%.</p>		
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1		<p>Xã có 01 mô hình tuyên truyền phổ biến, giáo dục “Nông dân với pháp luật” do Hội Nông dân xã và UBND xã phối hợp thực hiện tại 7 thôn. Hiện tại mô hình này đang được Hội phụ nữ xã nhân rộng trên toàn địa bàn xã với mô hình “phụ nữ với pháp luật”;</p> <p>+ 1 mô hình về hòa giải ở cơ sở “ 3 tốt, 3 sẵn sàng” hoạt động hiệu quả tại địa phương.</p> <p>100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND tỉnh Bình Định.</p>	2	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$		<p>Có 02 vụ mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân. Kết quả đã hòa giải thành 02 vụ đạt tỷ lệ 100%.</p>	100%	

		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$		UBND xã đã phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh trong công tác trợ giúp pháp lý cho các đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu. Kết quả, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý là 10 người/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là 10 người đạt tỷ lệ 100%.	100%	
		17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Thu gom rác thải sinh hoạt cho 2.100 hộ với 2 lần/tuần, Đối với những khu dân cư chưa có xe thu gom rác thải thì UBND xã đã hướng dẫn hộ cách chôn lấp, đốt và xử lý theo quy định. Đạt 460 bông Pi trên các cánh đồng và dọc các tuyến kênh mương để chứa đựng bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật	Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%		Theo thống kê trên địa bàn xã có 33/33 cơ sở sản xuất, kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; có 22 hộ giết mổ nhỏ, lẻ gia súc, gia cầm. Hiện nay đã vận động 19 hộ giết mổ tham gia vào khu giết mổ tập trung tại xã Nhơn An, Thị xã An Nhơn theo quy định, 01 hộ tham gia vào khu giết mổ tập trung ở Thành phố Quy Nhơn, còn lại 02 hộ nghỉ giết mổ lấy thịt về bán,	100%	
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$		Rác thải khu dân cư, các cơ sở sản xuất – kinh doanh được UBND xã hợp đồng với BQL Nước sạch & vệ sinh môi trường huyện thu gom 3 lần/tuần 2.840/3.254 hộ, đạt 87,3%.	87,30%	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 40\%$		Có 3.505 hộ/3.505 hộ đạt 100% hộ gia đình nước thải được xử lý bằng bể tiêu năng tự hoại	100%	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$		Triển khai mô hình phân loại rác tại nguồn đến nay có 1662/3.254 hộ tham gia mua thùng nhựa ủ rác để xử lý rác hữu cơ dễ phân hủy, đạt 51,07%	51,07%	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		Đã bố trí các bể chứa dọc theo tuyến kênh mương, đường giao thông nội đồng nhằm thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV của người dân sau khi đã qua sử dụng, vào cuối vụ thu hoạch sẽ có nhân viên thu gom đem về lưu chứa tại Nhà chứa thuốc BVTV ở thôn Tân Hội để xử lý theo quy định; Chất thải rắn y tế được phân loại tại Trạm y tế, hàng tháng được nhân viên Trạm y tế mang vào TTYT huyện xử lý. Chất thải rắn nguy hại trong sinh hoạt hộ gia đình như: Pin,	100%	

17	Môi trường				bóng đèn huỳnh quang, nhiệt kế được bỏ vào thùng đựng rác riêng và tiến hành thu gom đem về lưu chứa tại Nhà chứa thuốc BVTV xã	
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$		Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường. Đối với phụ phẩm nông nghiệp: Chủ yếu là rơm rạ. + Các phụ phẩm nông nghiệp như: rơm, rạ,... hầu hết các hộ dân đều tận thu, để sử dụng lại phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, chất đốt, thức ăn gia súc, sản xuất nấm... + Hạn chế việc đốt rơm, rạ ngoài đồng ruộng hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông. + Đối với rác thải nông nghiệp: Rơm rạ sau khi thu hoạch được thu gom bằng máy cuộn rơm và phục vụ cho các hoạt động sản xuất khác: Trồng nấm, thức ăn trong chăn nuôi, trồng rau, trồng mai....	100%
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		Trên địa bàn xã có 1.079 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó: 532 hộ chăn nuôi heo; 9 hộ chăn nuôi vịt, 62 hộ chăn nuôi gà; 476 hộ chăn nuôi trâu, bò. Các hộ chăn nuôi sử dụng hệ thống hầm biogas hoặc sử dụng chế phẩm sinh học (men sinh học trộn vào thức ăn, nước uống nhằm giảm mùi hôi thối trong phân và nước tiểu, nước thải sau khi vệ sinh được chứa trong hầm rút. Ngoài ra hộ còn sử dụng đệm lót sinh học (chủ yếu ở gà) để giảm khí độc, giảm ô nhiễm môi trường. Các hộ còn tận dụng chất thải (đã ủ) trong trồng trọt hoặc để bán (chủ yếu phân gà) cho các đơn vị thu mua tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng, tránh tình trạng đổ thải bừa bãi ra môi trường. Các hộ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; có bản kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định	100%
17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt		Xã có 07/7 thôn có nghĩa trang nhân dân để an táng người quá cố và có quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang để tổ chức thực hiện. Đã thuê đơn vị tư vấn lập quy hoạch, mở rộng các nghĩa địa nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật	Đạt		

		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$		Ở địa phương hiện nay người quá cố qua đời chủ yếu là hình thức địa táng, UBND xã đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đăng ký sử dụng hình thức hỏa táng sau khi chết, đảm bảo môi trường trong tổ chức việc tang lễ trên địa bàn xã	Đạt	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2$ /người		Tại điểm dân cư nông thôn hiện trạng và các điểm dân cư quy hoạch mới địa phương đều bố trí quỹ đất để trồng cây xanh sử dụng công cộng đảm bảo đạt $\geq 4m^2$ /người	Đạt	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$		Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. Đã tuyên truyền, phát tờ rơi, hướng dẫn công tác phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa và cả bao bì nhựa sau khi sử dụng trên 3300 hộ/3786 hộ. Trong quá trình thực hiện, đề nghị bán cho các nhà thu mua phế liệu hoặc ủng hộ cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã thực hiện mô hình “Ngôi nhà xanh” đặt tại các điểm công cộng để thu gom giấy báo, bìa, thùng carton, nhôm, sắt, vỏ bia....	87,16%	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 50\%$	Chưa có nước sạch	Trên địa bàn xã thôn Quảng Nghiệp được Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định lắp đặt cho 380/3.786 hộ sử dụng nước sạch, đạt 10,04%. Hiện nay UBND huyện đang đầu tư lắp đặt hệ thống nước sạch cho các thôn còn lại trên địa bàn xã, qua đó UBND xã đã phối hợp với Ban QLNS&VSMT huyện tổ chức cho người dân ký hợp đồng tham gia sử dụng và lắp đặt nước sạch, kết quả có 2.074/3.786 hộ, đạt 54,8%.	54,80%	
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít		Trên địa bàn xã Phước Hưng không có công trình cấp nước sạch tập trung	Đạt	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$		Trên địa bàn xã Phước Hưng không có công trình cấp nước sạch tập trung	100%	
18	Chất lượng môi trường sống	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%		Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP đạt theo tiêu chí. Tổng số cơ sở kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý của ngành y tế trên địa bàn xã là 30 cơ sở. Hiện tại xã đã triển khai cho các chủ thể	100%	

					hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm khám sức khỏe định kỳ theo quy định hàng năm tại Trung tâm y tế huyện Tuy Phước, kết quả 30/30 cơ sở, đạt 100%.		
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không		Hàng năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán, tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu. Các hộ kinh doanh đều tham gia tập huấn về ATTP, các hộ kinh doanh đều chấp hành tốt quy định về ATTP	Không	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%		Có 9/9 cơ sở xay xát gạo, 1/1 cơ sở sản xuất nem chả đảm bảo ATTP	100%	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	91,7%.	Có 3.505/3.505 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%.	100%	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%		Chất thải rắn trên địa bàn được thu gom và lưu chứa tại kho và định kỳ hợp đồng thuê đơn vị dịch vụ môi trường Hậu Sanh thu gom xử lý theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.	100%	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt		Ban Chỉ huy quân sự xã được tổ chức biên chế đầy đủ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên và chính trị viên phó, đúng thành phần theo quy định. Chỉ huy trưởng được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cao đẳng quân sự và trung cấp lý luận hành chính, Phó chỉ huy trưởng đào tạo trung cấp quân sự và trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính, đủ năng lực hoạt động của Ban CHQS xã. Lực lượng Dân quân được biên chế đúng, đủ thành phần theo quy định, hàng năm được huấn luyện chặt chẽ, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình	Đạt		Hàng năm, Đảng ủy có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về đảm bảo công tác an ninh trật tự; chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Đạt	

		<p>camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật. Số vụ phạm tội về trật tự xã hội trong năm 2023 là 14 vụ giảm 21 vụ so với năm 2022 giảm 60%, tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước. - Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về ANTT. - Tập thể Công an xã đạt được bình bầu danh hiệu “đơn vị tiên tiến”; về cá nhân đối với Công an xã chính quy 01/06 đồng chí được suy tôn danh hiệu “chiến sỹ thi đua cơ sở” và 05/06 đồng chí được suy tôn danh hiệu “chiến sỹ tiên tiến”; về cá nhân đối với Công an xã bán chuyên trách: 07/08 đồng chí được Chủ tịch UBND xã đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01/08 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ. Không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm bị xử lý kỷ luật. - Trong năm không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên (bị truy tố) theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an. - Có 10 mô hình tự quản về ANTT phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả 		
--	--	---	--	--	--	--	--